

BÁO CÁO
Sơ kết học kỳ I và triển khai nhiệm vụ trọng tâm học kỳ II
Năm học 2020-2021 cấp trung học cơ sở

Căn cứ Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018;

Căn cứ Công văn số 2929/GDĐT-TrH ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2020-2021;

Căn cứ Báo cáo số 1427/BC-GDĐT ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020 và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm học 2020-2021;

Thực hiện Kế hoạch số 1507/KH-GDĐT ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện về kế hoạch năm học 2020-2021 cấp trung học cơ sở (sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 1507/KH-GDĐT), Phòng Giáo dục và Đào tạo báo cáo sơ kết kết quả thực hiện trong học kỳ I và triển khai các nhiệm vụ trọng tâm học kỳ II năm học 2020-2021 như sau:

I. BÁO CÁO SƠ KẾT HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020-2021

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

1.1. Nhiệm vụ 2.1 (ban hành tại Kế hoạch số 1570/KH-GDĐT)

- Chi bộ của mỗi trường lãnh đạo, chỉ đạo mọi hoạt động của nhà trường, thể hiện dân chủ, thống nhất trong thực hiện thông qua Nghị quyết của Chi bộ; phối hợp tốt với các đoàn thể trong nhà trường phát huy sức mạnh hệ thống chính trị của nhà trường trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ, xây dựng khối đoàn kết trong đội ngũ và đảm bảo hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tất cả hướng đến sự ổn định, phát triển của nhà trường.

- Các trường thực hiện nghiêm túc việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục nhà trường giai đoạn 2021-2025 và được phê duyệt theo quy định.

- Các nhà trường quan tâm xây dựng đoàn kết nội bộ, thống nhất trong việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ năm học; thực hiện nghiêm Quy chế dân chủ cơ sở, các quy định về đạo đức nhà giáo, quy tắc ứng xử trường học, xây dựng môi trường sư phạm thân thiện; cán bộ quản lý, giáo viên gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ, thực hiện quy chế, quy định về chuyên môn khi thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong năm học.

- Công tác kiểm tra nội bộ nhà trường được quan tâm thực hiện theo quy định và theo kế hoạch; thực hiện tốt việc ghi nhận các phản ánh, ý kiến của người học và

gia đình người học để nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục. Trong học kỳ I, các trường đã tiến hành 60/88 cuộc, các trường lưu trữ đầy đủ các công văn hướng dẫn thực hiện công tác kiểm tra nội bộ; có xây dựng kế hoạch, trong đó có xây dựng nội dung tự kiểm tra của Hiệu trưởng; nội dung tổ chức thực hiện rõ ràng, đúng quy định; danh mục kiểm tra sát đúng với quy định; có ban hành Quyết định thành lập và danh sách Ban kiểm tra nội bộ kèm theo quyết định. Tuy nhiên, có cuộc kiểm tra chỉ có một và hai đối tượng kiểm tra, hoặc nhiều hơn 3-5 đối tượng kiểm tra, hơn nữa có nhiều cuộc kiểm tra, chưa đảm bảo trọng tâm, trọng điểm. Trong học kỳ I, Phòng Giáo dục và Đào tạo cũng tiến hành kiểm tra các trường theo kế hoạch¹, kết quả kiểm tra đã được thông báo đến các trường theo quy định.

- Về tình hình cán bộ, giáo viên, nhân viên, toàn cấp học có 356 người (212 nữ), trong đó có 16 cán bộ quản lý (06 nữ), 251 giáo viên (163 nữ), 68 nhân viên (43 nữ). Trong học kỳ I, các trường đã hợp đồng thỉnh giảng 21 trường hợp để đảm bảo các hoạt động chung của nhà trường. Tỷ lệ giáo viên trên lớp toàn cấp học đạt tỷ lệ 1,9 đúng theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập. Tuy nhiên, tỷ lệ giáo viên/lớp cụ thể ở một số trường chưa đạt theo quy định².

1.2. Nhiệm vụ 2.2 (ban hành tại Kế hoạch số 1570/KH-GDĐT)

- Cán bộ quản lý cốt cán, giáo viên cốt cán tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn theo quy định; 100% cán bộ giáo viên trang cấp tài khoản học trực tuyến để bồi dưỡng Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo kế hoạch chung (mô đun 1, 2 và 3); tham gia 02 lớp bồi dưỡng các môn học tích hợp với 88 chuyên viên, cán bộ quản lý và giáo viên (lớp Lịch sử-Địa lý 40 người, lớp Khoa học tự nhiên 48 người).

¹ Kiểm tra Trường THCS Dơi Lầu theo Quyết định số 866/QĐ-GDĐT ngày 14/10/2020 của Phòng GDĐT về thành lập Đoàn Kiểm tra trách nhiệm của Hiệu trưởng Trường Mầm non Lý Nhơn, Trường Tiểu học An Thới Đông và Trường Trung học cơ sở Dơi Lầu trong công tác kiểm tra nội bộ trường học, quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế công khai và quy chế tuyển sinh năm học 2020-2021; Kiểm tra Trường THCS An Thới Đông theo Quyết định số 902/QĐ-GDĐT ngày 03/11/2020 của Phòng GDĐT về thành lập Đoàn Kiểm tra trách nhiệm của Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở An Thới Đông về tổ chức thực hiện chương trình các môn học và quản lý, sử dụng sổ điểm điện tử năm học 2020-2021; Kiểm tra Trường THCS Bình Khánh theo Quyết định số 906/QĐ-GDĐT ngày 06/11/2020 của Phòng GDĐT về thành lập Đoàn Kiểm tra trách nhiệm của Hiệu trưởng Trường Mầm non Dơi Lầu, Trường Tiểu học Cần Thạnh 2, Trường Tiểu học Vàm Sát và Trường Trung học cơ sở Bình Khánh về hồ sơ thi đua, đánh giá phân loại viên chức, đánh giá chuẩn giáo viên, việc thực hiện chính sách, chế độ với nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2019-2020; Kiểm tra Trường THCS Cần Thạnh theo Quyết định số 913/QĐ-GDĐT ngày 10/11/2020 của Phòng GDĐT về thành lập Đoàn Kiểm tra trách nhiệm của Hiệu trưởng Trường Trường Mầm non Bình An; Trường Tiểu học Cần Thạnh và Trường Trung học cơ sở Cần Thạnh trong công tác xây dựng trường học an toàn, thân thiện, cảnh quan, vệ sinh môi trường, phòng chống bạo lực học đường năm học 2020-2021; Kiểm tra Trường THCS Lý Nhơn theo Quyết định số 914/QĐ-GDĐT ngày 10/11/2020 của Phòng GDĐT về thành lập Đoàn Kiểm tra trách nhiệm của Hiệu trưởng Trường Mầm non Cần Thạnh 2; Trường Tiểu học Lý Nhơn và Trường Trung học cơ sở Lý Nhơn trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, phản ánh; công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm học 2020-2021; Kiểm tra Trường THCS Long Hòa theo Quyết định số 982/QĐ-GDĐT ngày 04/12/2020 của Phòng GDĐT về thành lập Đoàn Kiểm tra trách nhiệm của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Thạnh An; Trường Tiểu học Long Thạnh và Trường Trung học cơ sở Long Hòa trong việc đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá xếp loại học sinh; tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học; tăng cường hoạt động giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học năm học 2020-2021

² Trường THCS Dơi Lầu (2,3); Trường THCS Tam Thôn Hiệp (2.2); Trường THCS An Thới Đông (2.1) và Trường THCS Long Hòa (1.8)

- Tham gia lớp bồi dưỡng thực hiện giảng dạy lớp 9 Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh theo kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo¹; tham gia hội thảo sách giáo khoa tiếng Anh lớp 2, lớp 6.

- Tham gia góp ý sách giáo khoa lớp 6 Chương trình giáo dục phổ thông 2018 một số bộ môn².

- 100% trường giảng dạy môn tin học, đảm bảo thực hiện môn học bắt buộc theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2021-2022.

1.3. Nhiệm vụ 2.3 (ban hành tại Kế hoạch số 1570/KH-GDDT)

- Các trường quan tâm công tác giáo dục đạo đức, xử lý kỷ luật học sinh, tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống và những chỉ đạo, tuyên truyền giáo dục kịp thời về giữ gìn vệ sinh, không xả rác, thực hành an toàn giao thông góp phần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đạo đức học sinh cấp học. Trong học kỳ I, có 7/8 trường xây dựng kế hoạch giáo dục đạo đức học sinh³; có 93 lượt học sinh được CB-GV-CNV đề xuất nhà trường có biện pháp giáo dục đạo đức, tăng 05 lượt so với cùng kỳ năm học trước, trong đó có 15 trường hợp được hội đồng kỷ luật nhà trường tiến hành xử lý kỷ luật học sinh.

- Trong học kỳ I, các trường đã thực hiện 93 chủ đề về giáo dục toàn diện, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong thời lượng 448 tiết, trung bình mỗi chủ đề thực hiện trong 05 tiết, với 23.150 lượt học sinh tham gia, trung bình mỗi học sinh có 05 lượt tham gia với 25 tiết/học kỳ.

- Các trường thường xuyên tuyên truyền, vận động học sinh tuân thủ thực hiện các nội quy, quy định và thường xuyên rà soát duy tu, sửa chữa cơ sở vật chất, cảnh quan, nhà vệ sinh đảm bảo xanh, sạch, đẹp và an toàn.

- Bên cạnh thực hiện chương trình giáo dục, chú trọng công tác giáo dục thể chất; bảo đảm an toàn trường học; thực hiện các giải pháp để thu hút học sinh rèn luyện thể thao, phổ cập bơi lội, phòng chống tai nạn đuối nước, phòng chống tai nạn thương tích trong học sinh. Trong học kỳ I, theo kế hoạch các trường, có 178/338 học sinh hoàn thành phổ cập bơi lội, tính đến cuối học kỳ I, có 2007/4624 học sinh được phổ cập bơi lội, đạt tỉ lệ 43.40% (chỉ tiêu 70%).

- Các trường tiếp tục thực hiện bài thể dục giữa giờ theo quy định, tham gia có hiệu quả Giải Thể thao học sinh huyện Cần Giờ⁴.

- Xây dựng kế hoạch tiết học ngoài nhà trường, các hoạt động nghiên cứu khoa học chuyển mạnh sang hướng hoạt động trải nghiệm trong từng tổ chuyên môn và từng giáo viên bộ môn. Trong học kỳ I, có hơn 340 lượt học sinh của 02 trường⁵ được nhà trường xây dựng kế hoạch và được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt để tổ chức hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường.

¹ 01 GV Trường THCS Bình Khánh, 01 GV Trường THCS An Thới Đông, 01 GV Trường THCS Dơi Lầu;

² Sinh học, Giáo dục công dân, Khoa học tự nhiên.

³ Trường THCS Lý Nhơn không thực hiện

⁴ Tổng cộng 94 giải các loại, riêng Trường THCS Lý Nhơn không có giải

⁵ Trường THCS Cần Thạnh, Trường THCS Lý Nhơn

- Công tác phòng cháy chữa cháy, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh; đảm bảo an toàn tuyệt đối cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên các trường; tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, chú trọng các hoạt động mang tính truyền thống dân tộc; phát triển văn hóa đọc trong học sinh. Trong học kỳ I, có 685 tiết đọc tại thư viện theo Thời khóa biểu của trường, trung bình mỗi khối lớp có 01 tiết/tuần đọc sách tại thư viện; đồng thời tổ chức được 55 hoạt động thư viện phong phú, đa dạng với nhiều nội dung như tổ chức chuyên đề tiết dạy học tại thư viện, trưng bày sách biển đảo Việt Nam, vẽ tranh theo sách và viết bài cảm nhận, hướng dẫn học sinh làm bookmark (thẻ chặn sách), kể chuyện ảnh hùng quân đội nhân dân Việt Nam, quyên góp sách để phát triển thư viện, mỗi tuần 01 quyển sách hay và đặc biệt là hội thi Lớn lên cùng sách ... tất cả các nội dung hoạt động trên góp phần thực hiện đề án văn hóa đọc thiết thực, hiệu quả ở các trường.

- Các trường đều xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện về công tác chính trị tư tưởng phù hợp với thực tế của trường theo quy định¹; tổ chức triển khai thực hiện Đề án “*Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2020 - 2025*” đúng theo hướng dẫn², Chủ đề năm 2020 của Thành phố Hồ Chí Minh “*Năm đẩy mạnh hoạt động văn hóa và xây dựng nếp sống văn minh đô thị*”; xây dựng và thực hiện Bộ quy tắc ứng xử trong trường học theo quy định³; ngăn ngừa, xử lý kịp thời, hiệu quả các hành vi tiêu cực, thiếu tính giáo dục trong cơ sở giáo dục; chú trọng các giải pháp xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên; thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 19/10/2018 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Cuộc vận động “*Người dân Thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước*”; chương trình “*Giảm sử dụng túi ni lông*”; phong trào “*Chống rác thải nhựa*”. Trong học kỳ I, đã có 7/8 trường⁴ đã tiến hành đối thoại với học sinh, lắng nghe những tâm tư, nguyện vọng chính đáng của học sinh nhằm điều chỉnh công tác quản lý, công tác dạy học hướng tới mục tiêu là người học.

1.4. Nhiệm vụ 2.4 (ban hành tại Kế hoạch số 1570/KH-GDĐT)

- Thực hiện kiểm định chất lượng đúng theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp, hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo theo Công văn số 2959/GDĐT-KĐCLGD ngày 15 tháng 9 năm 2020 về hướng dẫn thực hiện công tác đánh giá chất lượng giáo dục năm học 2020-2021.

- Tính đến thời điểm hiện tại có 6/7 trường được công nhận đạt chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 đạt tỷ lệ 85,7 %; 01 trường đang

¹ Kế hoạch số 1545/KH-GDĐT ngày 05/10/2020 của Phòng GDĐT về công tác chính trị tư tưởng năm học 2020-2021

² Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 1506/QĐ-BGDĐT ngày 31/5/2019 của Bộ GDĐT

³ Thông tư 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ GDĐT về quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên

⁴ Trường THCS Dơi Lầu chưa thực hiện

được đánh giá ngoài¹, chờ quyết định công nhận đạt chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

1.5. Nhiệm vụ 2.5 (ban hành tại Kế hoạch số 1570/KH-GDDT)

- Có 6/8 trường xây dựng kế hoạch dạy nghề phổ thông² và triển khai đến phụ huynh học sinh và học sinh, trong đó có 01/8 trường³ tổ chức dạy nghề cho học sinh ở 02 môn Thủ công mỹ nghệ (57 học sinh), Nấu ăn (31 học sinh).

- Các trường tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo quy định. Ngoài các tiết dạy theo quy định, trong học kỳ I, có 06 hoạt động giáo dục hướng nghiệp được tổ chức thực hiện nhằm nâng cao chất lượng công tác hướng nghiệp, tư vấn tuyển sinh⁴.

1.6. Nhiệm vụ 2.6 (ban hành tại Kế hoạch số 1570/KH-GDDT)

- Triển khai việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2020-2025 và năm học 2020-2021. Trong học kỳ I, có 62 lượt học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế, tính đến cuối học kỳ I, có 349 lượt học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế, đạt tỉ lệ 7.55% (năm trước 6,63%) ; có 3/8 trường⁵ xây dựng kế hoạch triển khai ôn tập học sinh thi tiếng Anh theo chuẩn quốc tế với 102 học sinh (70 KET, 32 PET); có 03 trường triển khai đưa giáo viên người nước ngoài tham gia giảng dạy tiếng Anh⁶, với 07 lớp và 279 học sinh tham gia; có 03 trường tổ chức mô hình tiếng Anh tăng cường, với 14 lớp và 515 học sinh tham gia⁷.

- Các trường bước đầu tổ chức thực hiện các giải pháp xây dựng trường học thông minh, lớp học tương tác sử dụng các thiết bị thông minh, phần mềm soạn thảo giáo án tương tác⁸, hệ thống giáo án điện tử, website của trường.

- Tuyên truyền và tổ chức thực hiện Đề án học tập suốt đời giai đoạn 2020-2030 trong cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường bằng các hoạt động thiết thực, ý nghĩa và hiệu quả.

- Các trường phối hợp tổ chức các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành bằng những hoạt động giáo dục hiệu quả, phù hợp điều kiện từng trường, gắn với việc đổi mới hoạt động giáo dục của nhà trường, có báo cáo kết quả thực hiện, quyết định khen thưởng và hình ảnh tổ chức các hoạt động. Kết quả, trong học kỳ I có 04 giáo viên⁹ được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường, có 65 lượt giáo viên được khen thưởng các hội thi, phong trào thi đua khác, trong đó có 01 giải Khuyến khích của Hội thi thiết kế Chủ đề dạy học định hướng STEM và tích hợp liên môn trong trường trung học do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức¹⁰.

¹ Trường THCS Tam Thôn Hiệp (KĐCL mức độ 2, chuẩn quốc gia mức độ)

² Còn Trường THCS Dơi Lầu và Trường THCS Lý Nhơn

³ Trường THCS-THPT Thạnh An

⁴ Trường THCS Cần Thạnh 04, Trường THCS Tam Thôn Hiệp 01 và Trường THCS-THPT Thạnh An 01

⁵ Trường THCS An Thới Đông, Trường THCS Cần Thạnh, Trường THCS Tam Thôn Hiệp

⁶ Trường THCS Bình Khánh, Trường THCS Cần Thạnh, Trường THCS Long Hòa

⁷ Trường THCS Bình Khánh, Trường THCS Cần Thạnh, Trường THCS Tam Thôn Hiệp

⁸ Trong HKI năm học 2019-2020, có 02 trường sử dụng tài liệu Trường học thông minh (THCS DL, TTH)

⁹ GV của Trường THCS-THPT Thạnh An

¹⁰ Cô Lê Ngọc Diễm – PHT Trường THCS Lý Nhơn

1.7. Nhiệm vụ 2.7 (ban hành tại Kế hoạch số 1570/KH-GDDT)

- Các trường tiếp tục đổi mới sinh hoạt chuyên môn, trong học kỳ I, có 299 lần (trung bình mỗi môn có hơn 01 lần/tuần) sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học ở các bộ môn¹. Qua kiểm tra thực tế, kế hoạch giáo dục của một số tổ chuyên môn chưa quy định đầy đủ, hoặc có quy định nhưng chưa cụ thể nội dung trong năm học; một số tổ chuyên môn có nội dung sinh hoạt chuyên môn chưa đúng hướng dẫn, nội dung chưa sát, sâu về chuyên môn; các nội dung sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học chưa đạt về nội dung và hình thức thể hiện; việc sinh hoạt chuyên môn đối với trường có bộ môn chỉ có 01 giáo viên chưa thực hiện nghiêm.

- Các trường quan tâm dạy lồng ghép, tích hợp như giáo dục quốc phòng an ninh, phòng chống tham nhũng, truyền thống, lịch sử, văn hóa địa phương, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học, giáo dục STEM, những phương pháp dạy học tích cực và những phương pháp, hình thức dạy học khác theo quy định. Tính đến học kỳ I năm học 2020-2021, có 11 giáo viên tham gia tập huấn giáo dục STEM và có chứng chỉ hoàn thành, 01 cán bộ quản lý tập huấn đổi mới sáng tạo. Theo đó, trong học kỳ I, có 20.316 tiết dạy học theo nội dung trên, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh, trung bình mỗi giáo viên có 4-5 tiết/tuần sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nêu trên.

- Các trường xây dựng quy chế tổ chức kiểm tra thường xuyên và định kỳ; kiểm tra, đánh giá và xếp loại học sinh theo quy định. Phòng Giáo dục và Đào tạo đã kiểm tra công tác tổ chức kiểm tra cuối học kỳ I (công tác coi, chấm) các trường², kết quả kiểm tra đã được thông báo đến các trường theo quy định.

- Trong học kỳ I, có 8/8 trường sử dụng phần mềm quản lý điểm (c2-Quảng ích và VietSchool), có 8/8 trường sử dụng Sổ Goi tên-Ghi điểm điện tử, 6/8 trường sử dụng Sổ Đăng bộ điện tử, 7/8 trường sử dụng Phiếu điểm học kỳ, 6/8 trường sử dụng Sổ điểm theo dõi và đánh giá học sinh và 2/8 trường sử dụng sổ liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh học sinh. Ngoài hình thức kiểm tra trên giấy, một số môn học ở các trường có tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ ở những hình thức khác³.

- Tiếp tục sử dụng các bộ tài liệu về giáo dục địa phương dành cho các môn Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý để tổ chức giảng dạy theo quy định.

- Các trường xây dựng được câu lạc bộ “em yêu khoa học” tại đơn vị nhằm tạo môi trường cho học sinh nghiên cứu, rèn luyện, chia sẻ về kiến thức, kỹ năng và các sản phẩm nghiên cứu khoa học; giúp đỡ học sinh trong việc tiếp cận và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học từ đó giúp hoạt động đổi mới sáng tạo trong trường học tốt hơn. Giáo viên áp dụng phương pháp giáo dục STEM vào dạy

¹ Riêng môn Âm nhạc chưa thực hiện

² Kiểm tra công tác coi (7/7 trường), công tác chấm (Trường THCS Long Hòa, Trường THCS Cần Thạnh) theo Quyết định số 995/QĐ-GDDT ngày 18/12/2020 của Phòng GDĐT về thành lập Đoàn Kiểm tra trách nhiệm của Hiệu trưởng các trường trung học cơ sở trong việc tổ chức kiểm tra cuối học kỳ I năm học 2020-2021

³ môn Hóa học kiểm tra, đánh giá quá trình; Sinh học qua sản phẩm (An Thới Đông); trên máy kiểm tra trực tuyến bằng Google Forms môn Tin học; sản phẩm môn Ngữ văn, Mỹ thuật; dự án học tập Ngữ văn (Cần Thạnh); Vật lý qua sản phẩm (Tam Thôn Hiệp); tiếng Anh qua dự án học tập (Thạnh An).

và học, tạo ra các sản phẩm ở các môn khoa học tự nhiên nhằm giúp giải trí, phục vụ cho việc học tập tạo hứng thú cho hoạt động học của học sinh.

- 100% học sinh được học 2 buổi/ngày, ngoài đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, tổng số tiết học tăng thêm là 178 tiết/trường/học kỳ, trung bình một trường tăng thêm 22 tiết/trường/tuần, chủ yếu ở các bộ môn Toán, Lý, Hóa, Văn, Sinh, tiếng Anh, Tin học và Địa lý, góp phần nâng cao chất lượng bộ môn này và kết quả học tập chung của học sinh (*đính kèm thống kê chất lượng bộ môn HKI và học lực, hạnh kiểm HKI*).

- Các trường chú trọng các giải pháp để giảm tỉ lệ học sinh yếu, kém và học sinh lưu ban, bỏ học. Trong học kỳ I, các trường đã tổ chức 43 hoạt động chuyên môn ở các môn học với 6.470 lượt học sinh tham gia, có tác dụng nâng cao chất lượng dạy và học.

- Triển khai kế hoạch tổ chức các hội thi, kỳ thi trong năm, đồng thời các trường cũng xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, chọn giáo viên trách nhiệm, kinh nghiệm, chuyên môn vững vàng để bồi dưỡng học sinh, nhất là bồi dưỡng dự thi cấp thành phố nhằm nâng cao chất lượng học sinh giỏi. Trong học kỳ I, có 600 lượt học sinh đạt giải các hội thi, kỳ thi cấp huyện trở lên (trong đó có 01 giải cấp quốc gia, 06 giải cấp thành phố¹), đạt tỉ lệ 12.98% trên tổng số học sinh cấp học, đạt chỉ tiêu đề ra theo kế hoạch.

- Tổ chức mô hình các câu lạc bộ trường học với sự chủ động, tích cực từ học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên và sự giám sát giúp đỡ của nhà trường để câu lạc bộ trường học thực sự vì sự phát triển phẩm chất, năng lực người học. Trong học kỳ I, có 69 câu lạc bộ sinh hoạt theo kế hoạch của nhà trường (trong đó có 05 câu lạc bộ có thu phí), thu hút được học sinh các khối lớp tham gia.

- Công tác quản lý thiết bị, thực hành thí nghiệm được các trường thực hiện nghiêm túc, đảm bảo sử dụng triệt để và có hiệu quả đồ dùng dạy học, thực hiện 100% tiết thực hành thí nghiệm theo quy định, thực hiện hồ sơ sổ sách đầy đủ và cập nhật khoa học. Cán bộ quản lý nhà trường quan tâm hơn đến công tác mua sắm thiết bị dạy học, thực hành thí nghiệm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phân công cán bộ quản lý phụ trách công tác thiết bị thực hành thí nghiệm; phân công các tổ trưởng hoặc nhóm trưởng các bộ môn Lý, Hóa, Sinh trực tiếp theo dõi hoạt động phòng thiết bị, thực hành thí nghiệm. Kết quả, có 07/07 trường loại tốt, đạt tỉ lệ 100%.

1.8. Nhiệm vụ 2.8 (ban hành tại Kế hoạch số 1570/KH-GDĐT)

- Trong học kỳ I, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã phê duyệt 7/7 kế hoạch tài trợ các trường để huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để nâng cao chất lượng giáo dục; chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục đào tạo.

- Các trường đã phối hợp với các đoàn thể, chính quyền địa phương, mạnh thường quân chăm lo cho học sinh diện chính sách, dân tộc, học sinh thuộc gia đình

¹ 01 HCB môn Vovinam cấp QG (THCS An Thới Đông), 01 giải Khuyến khích Văn hay-Chữ tốt cấp TP (THCS Bình Khánh), 01 giải Ba Casio lớp 9 cấp TP (THCS Cần Thạnh); 02 giải KTKT cấp TP (01 Nhất Crocodile Physics-THCS Tam Thôn Hiệp, 01 giải Nhì Kết hạt -THCS Long Hòa)

nghèo, khó khăn, nhằm hỗ trợ các em trong việc học. Trong học kỳ I, đã hỗ trợ cho 23/74 học sinh dân tộc, tương đương với số tiền 27.400.000 đồng.

1.9. Nhiệm vụ 2.9 (ban hành tại Kế hoạch số 1570/KH-GDDT)

- Tính đến cuối học kỳ I, có 6/7 trường¹ có website hoạt động; có 7/7 trường đầu xây dựng mục lấy ý kiến, góp ý từ phụ huynh, học sinh, xã hội; có 5/7 trường cập nhật thông tin về tổ chức của đơn vị (Ban Giám hiệu, Đoàn thể, ...)², cập nhật các tin tức, sự kiện tại đơn vị, các đơn vị cập nhật đầy đủ thông tin liên lạc tại mục “Liên hệ” và chân trang chủ của website; có 4/7 trường xây dựng chuyên mục “3 Công khai” theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT với nội dung công khai được tổng hợp ít nhất trong 03 năm học gần nhất³; có 2/7 trường⁴ thực hiện tạo một chuyên mục “Cải cách hành chính”, đăng tải các thủ tục, biểu mẫu liên quan đến việc cung cấp thông tin phục vụ cho phụ huynh học sinh và người dùng như các mẫu đơn xin nghỉ học, mẫu đơn xin phúc khảo bài kiểm tra, bài thi, thông tin xét tuyển học sinh đầu cấp, đơn xin chuyển trường.

- Có 8/8 trường sử dụng dữ liệu điện tử, sổ diệm điện tử và tổ chức thực hiện theo quy định.

- Trong học kỳ I, có 6/8 trường đã xây dựng kế hoạch dạy tin học IC3 và có 5/8 trường tổ chức thực hiện⁵ với 45 lớp và 1555 học sinh tham gia; có 48 học sinh có trình độ tin học quốc tế IC3, đạt tỉ lệ 1.04%.

1.10. Nhiệm vụ 2.10 (ban hành tại Kế hoạch số 1570/KH-GDDT)

- Các trường đã phối hợp xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục năm học 2020-2021 nhằm tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả công tác phổ cập giáo dục tại địa phương.

- Các trường thực hiện tốt hướng dẫn của Phòng Giáo dục và Đào tạo về theo dõi thực hiện các chỉ tiêu chất lượng giáo dục, hiệu suất đào tạo và hồ sơ học vụ một cách thống nhất, đồng bộ trong toàn huyện.

- Các trường đều xây dựng kế hoạch công tác duy trì sĩ số năm học 2020-2021, trong đó chú trọng các giải pháp thực hiện và phối hợp tốt trong công tác vận động học sinh nghỉ học ra lớp. Trong học kỳ I, tổng số lớp là 130 lớp (36 lớp 6, 32 lớp 7, 32 lớp 8, 30 lớp 9) với 4624 học sinh, giảm 37 học sinh so với đầu năm và số học sinh nghỉ vì lý do khác là 10 em, số học sinh bỏ học trong học kỳ I là 35 em, số học sinh chuyển đến là 22 em, số học sinh chuyển đi là 12 em. Theo đó, tỉ lệ duy trì sĩ số cấp học là 99.25%, đạt chỉ tiêu đề ra đầu năm. Để đảm bảo tỉ lệ này, các trường đã thực hiện nhiều giải pháp và phối hợp tốt trong và ngoài nhà trường, trong đó đã có 89 lần giáo viên đến gia đình vận động học sinh ra lớp.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu đề ra

¹ Website Trường THCS Bình Khánh không hoạt động; không tính Trường THCS-THPT Thạnh An

² Trường THCS Lý Nhơn, THCS Cần Thạnh chưa cập nhật

³ Trường THCS Lý Nhơn, THCS Cần Thạnh, THCS Dơi Lầu chưa có mở mục Công khai; THCS An Thới Đông, THCS Tam Thôn Hiệp nội dung công khai chưa đủ 03 năm.

⁴ Các Trường THCS An Thới Đông, THCS Lý Nhơn, THCS Cần Thạnh, THCS Tam Thôn Hiệp, THCS Dơi Lầu chưa thực hiện

⁵ Còn Trường THCS An Thới Đông, THCS Lý Nhơn, THCS-THPT Thạnh An

Nội dung	Chỉ tiêu đề ra	Kết quả HKI	Đánh giá
- Huy động trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6	100%	101.82% (1289/1266)	Đạt
- Huy động học sinh cũ, học sinh bỏ học những năm học trước ra lớp	100%	100%	Đạt
Duy trì sĩ số	$\geq 99\%$	99.25%	Đạt
- Chất lượng giáo dục đào tạo: + Học lực + Hạnh kiểm - Học sinh kiểm tra lại và rèn luyện hạnh kiểm trong hè được lên lớp	$\geq 95\%$ $\geq 98\%$ $\geq 50\%$	90.01% 99.91% Chưa có số liệu	Chưa đạt Đạt ...
- Hiệu suất đào tạo - Lưu ban bỏ học	$\geq 87\%$ $< 5\%$	88.91% Chưa có số liệu	Đạt ...
- Bỏ học	$< 1\%$	0.75% (35)	Đạt
- Phổ cập giáo dục bậc trung học cơ sở - Học sinh được công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở. - Học sinh tốt nghiệp THCS tham gia GDTX, GDNN - Tỷ lệ học sinh trên tổng số học sinh được công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở tham gia thi tuyển vào lớp 10.	$\geq 92\%$ $> 99\%$ $\geq 20\%$ $\geq 80\%$	92.28% Ước đạt 100% Chưa có số liệu Chưa có số liệu	Đạt Đạt
- Các trường trung học cơ sở có học sinh đạt giải ở các môn trong Kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện; - Các trường trung học cơ sở có học sinh giỏi cấp thành phố.	- Có HS cấp huyện/trường - 01 HS cấp TP/trường	- 8/8 trường có HS giỏi cấp huyện - có 4/8 trường	Đạt Chưa đạt
- Số chuyên đề bồi dưỡng chuyên môn từng bộ môn cấp huyện.	01 lần/môn/HK	Chưa có số liệu	...
- Số chuyên đề do các tổ chuyên môn môn ở các trường	02 lần/năm	-39 CĐ/41 tổ	Chưa đạt
- Các trường hoàn thành công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục.	100%	100%	Đạt
- Số trường được đánh giá ngoài.	6/7 (85.71%)	6/7 (85.71%)	Đạt
CLB (học thuật, kỹ năng được tổ chức hiệu quả trong năm học)	05 CLB/trường	69/8 trường	Đạt
- Tỷ lệ học sinh có trình độ tiếng Anh, đạt chuẩn quốc tế. - 5% HS lớp 9 đạt A2 - Tỷ lệ học sinh có trình độ Tin học đạt chuẩn quốc tế. - HS hoàn thành phổ cập bơi lội	$\geq 10\%$ Chưa có số liệu $\geq 10\%$ $\geq 70\%$	7.55% (349/4624) ... 1.04% (48/4624) 43.40%	Chưa đạt ... Chưa đạt Chưa đạt

3. Đánh giá chung

Nhìn chung, công tác chỉ đạo, quán triệt của Phòng Giáo dục và Đào tạo cũng như công tác triển khai tổ chức thực hiện của các trường trung học cơ sở đã đạt được những kết quả tốt so với mục tiêu đã đề ra theo kế hoạch đầu năm.

Tuy nhiên, các trường cần quan tâm đến các nội dung, thời lượng dạy học 2 buổi/ ngày, nhất là các hoạt động giáo dục toàn diện và việc thực hiện chương trình các bộ môn theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất học sinh.

Ngoài ra, các trường cần quan tâm hồ sơ, minh chứng thực hiện các chuyên đề, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, mô hình sinh hoạt câu lạc bộ và các tiết học có áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, các hình thức dạy học và dạy học theo định hướng giáo dục STEM. Đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý cũng như trong dạy và học.

Việc sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên môn đối với bộ môn mà trường chỉ có 01 giáo viên chưa hiệu quả, nội dung thực hiện còn nặng hình thức.

4. Kiến nghị của các trường

- Sớm bổ nhiệm, điều động cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên để quản lý, điều hành và đảm bảo các hoạt động giáo dục của nhà trường¹.

- Trang bị bảng tương tác để đáp ứng nhu cầu thực hiện đề án tiếng Anh và hoạt động khác của nhà trường (Trường THCS Long Hòa), do 2 bảng tương tác của nhà trường đã bị hỏng không sửa chữa được); đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện có chủ trương hỗ trợ nhiều hơn cho các đơn vị, đặc biệt là về kinh phí để việc thực hiện Đề án tiếng Anh được thuận lợi hơn (Trường THCS Tam Thôn Hiệp).

- Đề xuất Trung tâm Thể dục thể thao huyện tăng cường giáo viên hướng dẫn học bơi để trường đạt chỉ tiêu phổ cập bơi lội (Trường THCS Bình Khánh); tham mưu đẩy nhanh tiến độ xây dựng hồ bơi tại trường nhằm phổ cập bơi lội cho học sinh (Trường THCS Cần Thạnh); Phòng Giáo dục và Đào tạo giới thiệu, động viên các huấn luyện viên ở trường bạn hỗ trợ (Trường THCS Dơi Lâu); Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện xây dựng 01 hồ bơi tại xã Long Hòa để tạo điều kiện cho học sinh các trường thuộc xã Long Hòa được học bơi (Trường THCS Long Hòa); hỗ trợ thêm cho giáo viên trực tiếp giảng dạy công tác phổ cập bơi lội (Trường THCS-THPT Thạnh An).

- Đẩy mạnh đầu tư thêm phòng học, phòng chức năng (Trường THCS Bình Khánh);

- Đề nghị bổ sung thêm thành phần dân tộc (ngoài dân tộc Chăm và Khơ-me) để chăm lo, hỗ trợ thêm cho học sinh diện này (Trường THCS Tam Thôn Hiệp).

- Hỗ trợ hướng dẫn cụ thể hơn cho giáo viên thực hiện công tác đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh theo quy định (Trường THCS Tam Thôn Hiệp).

¹ 01 Hiệu trưởng (Trường THCS An Thới Đông); 01 giáo viên Ngữ văn (THCS Dơi Lâu); 01 giáo viên tiếng Anh, 01 giáo viên Tin học, 01 nhân viên Văn thư (Trường THCS Long Hòa); 01 giáo viên tiếng Anh, 01 giáo viên Tin học, 01 giáo viên Toán, 01 giáo viên Ngữ văn, 01 nhân viên Thư viện (Trường THCS Lý Nhơn); 01 giáo viên Âm nhạc (Trường THCS Tam Thôn Hiệp); 01 giáo viên tiếng Anh, 01 giáo viên Thể dục, 01 giáo viên Sinh học (Trường THCS-THPT Thạnh An)

II. NHIỆM VỤ TRONG TÂM HỌC KỲ II NĂM HỌC 2020-2021

1. Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện

Các trường tiếp tục triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học như kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học; kế hoạch giáo dục của nhà trường, bộ môn và giáo viên; kế hoạch dạy học 2 buổi/ ngày; kế hoạch tổ chức các hội thi, kỳ thi; quy chế tổ chức kiểm tra.

2. Các nội dung khác

- Tập trung chỉ đạo thực hiện công tác quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM, phát huy năng lực, phẩm chất học sinh;
- Tổ chức chuyên đề thiết lập đặc tả, ma trận đề; sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học;
- Tiếp tục đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh, đổi mới sinh hoạt chuyên môn, tập trung sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học và nhất là quan tâm thực hiện việc sinh hoạt chuyên môn đối với trường có bộ môn chỉ có 01 giáo viên;
- Đảm bảo thực hiện đúng thời lượng dạy học 2 buổi/ngày theo quy định. Các trường điều chỉnh, bổ sung và gửi lại Phòng Giáo dục và Đào tạo kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày **chậm nhất ngày 12 tháng 3 năm 2021**.
- Tập trung công tác phụ đạo, tiếp tục bồi dưỡng học sinh giỏi, ôn tập thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2021-2022;
- Hoàn thiện hệ thống hồ sơ của trường phù hợp với Điều lệ trường học¹;
- Xây dựng kế hoạch xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở năm 2021; công tác tuyển sinh (lớp 6, lớp 10); nhập liệu chính xác (số liệu, dữ liệu, hồ sơ học vụ) vào phần mềm quản lý thi theo tiến độ quy định;
- Sớm có những giải pháp triển khai thực hiện trường học thông minh, lớp học thông minh theo lộ trình chung.
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện bồi dưỡng Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo kế hoạch.
- Tổ chức thực hiện các nội dung triển khai của Phòng, Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định.
- Quan tâm công tác báo cáo thành thị, chú ý thời hạn, chất lượng báo cáo, số liệu chính xác, gửi đúng địa chỉ yêu cầu.

Trên đây là báo cáo sơ kết học kỳ I và triển khai nhiệm vụ trong tâm học kỳ II năm học 2020-2021 cấp trung học cơ sở của Phòng Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT;
- Phòng GDĐT: PTP (THCS), thành viên tổ THCS, phụ trách thư viện THCS (ông Hùng), tổ chức (bà Lan);
- Hiệu trưởng: các trường THCS, BDGD và THCS-THPT Thạnh An;
- Lưu: VT;

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trần Thị Hoàng Mai

¹ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT về ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

TRƯỜNG	KHỐI	SS	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		KÉM		Ghi chú
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	6	207	71	34.30%	70	33.82%	51	24.64%	192	92.75%	15	7.25%	0	0.00%	3
THCS BK	6	356	168	47.19%	118	33.15%	59	16.57%	345	96.91%	11	3.09%	0	0.00%	1
THCS CT	6	191	78	40.84%	56	29.32%	50	26.18%	184	96.34%	7	3.66%	0	0.00%	2
THCS DL	6	82	11	13.41%	31	37.80%	32	39.02%	74	90.24%	8	9.76%	0	0.00%	4
THCS LH	6	162	45	27.78%	50	30.86%	44	27.16%	139	85.80%	22	13.58%	1	0.62%	6
THCS LN	6	94	8	8.51%	35	37.23%	36	38.30%	79	84.04%	14	14.89%	1	1.06%	7
THCS TTH	6	143	27	18.88%	60	41.96%	40	27.97%	127	88.81%	11	7.69%	5	3.50%	5
THCS TA	6	65	4	6.15%	9	13.85%	17	26.15%	30	46.15%	26	40.00%	9	13.85%	8
HUYỆN		1300	412	31.69%	429	33.00%	329	25.31%	1170	90.00%	114	8.77%	16	1.23%	
THCS ATĐ	7	192	52	27.08%	81	42.19%	45	23.44%	178	92.71%	14	7.29%	0	0.00%	4
THCS BK	7	364	127	34.89%	135	37.09%	77	21.15%	339	93.13%	23	6.32%	2	0.55%	3
THCS CT	7	191	67	35.08%	68	35.60%	47	24.61%	182	95.29%	8	4.19%	1	0.52%	2
THCS DL	7	57	6	10.53%	33	57.89%	16	28.07%	55	96.49%	2	3.51%	0	0.00%	1
THCS LH	7	155	28	18.06%	59	38.06%	56	36.13%	143	92.26%	12	7.74%	0	0.00%	5
THCS LN	7	66	9	13.64%	9	13.64%	27	40.91%	45	68.18%	16	24.24%	5	7.58%	8
THCS TTH	7	93	19	20.43%	27	29.03%	36	38.71%	82	88.17%	11	11.83%	0	0.00%	7
THCS TA	7	38	12	31.58%	16	42.11%	6	15.79%	34	89.47%	3	7.89%	1	2.63%	6
HUYỆN		1156	320	27.68%	428	37.02%	310	26.82%	1058	91.52%	89	7.70%	9	0.78%	
THCS ATĐ	8	172	34	19.77%	67	38.95%	56	32.56%	157	91.28%	14	8.14%	1	0.58%	3
THCS BK	8	318	79	24.84%	118	37.11%	96	30.19%	293	92.14%	21	6.60%	4	1.26%	2
THCS CT	8	195	49	25.13%	60	30.77%	59	30.26%	168	86.15%	26	13.33%	1	0.51%	5
THCS DL	8	50	8	16.00%	25	50.00%	15	30.00%	48	96.00%	2	4.00%	0	0.00%	1
THCS LH	8	160	24	15.00%	54	33.75%	61	38.13%	139	86.88%	21	13.13%	0	0.00%	4
THCS LN	8	65	3	4.62%	17	26.15%	27	41.54%	47	72.31%	18	27.69%	0	0.00%	6
THCS TTH	8	118	18	15.25%	27	22.88%	32	27.12%	77	65.25%	30	25.42%	11	9.32%	7
THCS TA	8	57	3	5.26%	6	10.53%	22	38.60%	31	54.39%	20	35.09%	6	10.53%	8
HUYỆN		1135	218	19.21%	374	32.95%	368	32.42%	960	84.58%	152	13.39%	23	2.03%	
THCS ATĐ	9	191	49	25.65%	63	32.98%	65	34.03%	177	92.67%	14	7.33%	0	0.00%	6
THCS BK	9	275	101	36.73%	103	37.45%	61	22.18%	265	96.36%	10	3.64%	0	0.00%	4
THCS CT	9	184	47	25.54%	78	42.39%	54	29.35%	179	97.28%	5	2.72%	0	0.00%	2
THCS DL	9	53	13	24.53%	32	60.38%	8	15.09%	53	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LH	9	143	32	22.38%	52	36.36%	51	35.66%	135	94.41%	8	5.59%	0	0.00%	5
THCS LN	9	56	4	7.14%	28	50.00%	22	39.29%	54	96.43%	2	3.57%	0	0.00%	3
THCS TTH	9	101	23	22.77%	29	28.71%	35	34.65%	87	86.14%	13	12.87%	1	0.99%	7
THCS TA	9	30	2	6.67%	8	26.67%	14	46.67%	24	80.00%	6	20.00%	0	0.00%	8
HUYỆN		1033	271	26.23%	393	38.04%	310	30.01%	974	94.29%	58	5.61%	1	0.10%	
TOÀN HUYỆN		4624	1221	26.41%	1624	35.12%	1317	28.48%	4162	90.01%	413	8.93%	49	1.06%	

TRƯỜNG	SS	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		KÉM		Ghi chú
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	762	206	27.03%	281	36.88%	217	28.48%	704	92.39%	57	7.48%	1	0.13%	4
THCS BK	1313	475	36.18%	474	36.10%	293	22.32%	1242	94.59%	65	4.95%	6	0.46%	2
THCS CT	761	241	31.67%	262	34.43%	210	27.60%	713	93.69%	46	6.04%	2	0.26%	3
THCS DL	242	38	15.70%	121	50.00%	71	29.34%	230	95.04%	12	4.96%	0	0.00%	1
THCS LH	620	129	20.81%	215	34.68%	212	34.19%	556	89.68%	63	10.16%	1	0.16%	5
THCS LN	281	24	8.54%	89	31.67%	112	39.86%	225	80.07%	50	17.79%	6	2.14%	7
THCS TTH	455	87	19.12%	143	31.43%	143	31.43%	373	81.98%	65	14.29%	17	3.74%	6
THCS TA	190	21	11.05%	39	20.53%	59	31.05%	119	62.63%	55	28.95%	16	8.42%	8
TOÀN HUYỆN	4624	1221	26.41%	1624	35.12%	1317	28.48%	4162	90.01%	413	8.93%	49	1.06%	



THỐNG KÊ HẠNH KIỂM
HK I - Năm học 2020-2021

TRƯỜNG	KHỐI	SS	TỐT		KHÁ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		Ghi chú
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	6	207	166	80.19%	36	17.39%	5	2.42%	207	100.00%	0	0.00%	1
THCS BK	6	356	329	92.42%	22	6.18%	5	1.40%	356	100.00%	0	0.00%	1
THCS CT	6	191	169	88.48%	22	11.52%	0	0.00%	191	100.00%	0	0.00%	1
THCS DL	6	82	39	47.56%	35	42.68%	8	9.76%	82	100.00%	0	0.00%	1
THCS LH	6	162	123	75.93%	38	23.46%	1	0.62%	162	100.00%	0	0.00%	1
THCS LN	6	94	59	62.77%	33	35.11%	2	2.13%	94	100.00%	0	0.00%	1
THCS TTH	6	143	111	77.62%	30	20.98%	2	1.40%	143	100.00%	0	0.00%	1
THCS TA	6	65	27	41.54%	25	38.46%	11	16.92%	63	96.92%	2	3.08%	8
HUYỆN		1300	1023	78.69%	241	18.54%	34	2.62%	1298	99.85%	2	0.15%	
THCS ATĐ	7	192	137	71.35%	46	23.96%	9	4.69%	192	100.00%	0	0.00%	1
THCS BK	7	364	327	89.84%	36	9.89%	1	0.27%	364	100.00%	0	0.00%	1
THCS CT	7	191	140	73.30%	32	16.75%	19	9.95%	191	100.00%	0	0.00%	1
THCS DL	7	57	30	52.63%	25	43.86%	2	3.51%	57	100.00%	0	0.00%	1
THCS LH	7	155	110	70.97%	19	12.26%	26	16.77%	155	100.00%	0	0.00%	1
THCS LN	7	66	41	62.12%	20	30.30%	5	7.58%	66	100.00%	0	0.00%	1
THCS TTH	7	93	66	70.97%	25	26.88%	2	2.15%	93	100.00%	0	0.00%	1
THCS TA	7	38	31	81.58%	4	10.53%	3	7.89%	38	100.00%	0	0.00%	1
HUYỆN		1156	882	76.30%	207	17.91%	67	5.80%	1156	100.00%	0	0.00%	
THCS ATĐ	8	172	121	70.35%	39	22.67%	12	6.98%	172	100.00%	0	0.00%	1
THCS BK	8	318	280	88.05%	30	9.43%	8	2.52%	318	100.00%	0	0.00%	1
THCS CT	8	195	134	68.72%	48	24.62%	13	6.67%	195	100.00%	0	0.00%	1
THCS DL	8	50	30	60.00%	18	36.00%	2	4.00%	50	100.00%	0	0.00%	1
THCS LH	8	160	115	71.88%	36	22.50%	7	4.38%	158	98.75%	2	1.25%	8
THCS LN	8	65	12	18.46%	32	49.23%	21	32.31%	65	100.00%	0	0.00%	1
THCS TTH	8	118	58	49.15%	49	41.53%	11	9.32%	118	100.00%	0	0.00%	1
THCS TA	8	57	22	38.60%	24	42.11%	11	19.30%	57	100.00%	0	0.00%	1
HUYỆN		1135	772	68.02%	276	24.32%	85	7.49%	1133	99.82%	2	0.18%	
THCS ATĐ	9	191	136	71.20%	44	23.04%	11	5.76%	191	100.00%	0	0.00%	1
THCS BK	9	275	256	93.09%	17	6.18%	2	0.73%	275	100.00%	0	0.00%	1
THCS CT	9	184	148	80.43%	30	16.30%	6	3.26%	184	100.00%	0	0.00%	1
THCS DL	9	53	39	73.58%	13	24.53%	1	1.89%	53	100.00%	0	0.00%	1
THCS LH	9	143	99	69.23%	37	25.87%	7	4.90%	143	100.00%	0	0.00%	1
THCS LN	9	56	39	69.64%	16	28.57%	1	1.79%	56	100.00%	0	0.00%	1
THCS TTH	9	101	64	63.37%	25	24.75%	12	11.88%	101	100.00%	0	0.00%	1
THCS TA	9	30	8	26.67%	12	40.00%	10	33.33%	30	100.00%	0	0.00%	1
HUYỆN		1033	789	76.38%	194	18.78%	50	4.84%	1033	100.00%	0	0.00%	
TOÀN HUYỆN		4624	3466	74.96%	918	19.85%	236	5.10%	4620	99.91%	4	0.09%	

TRƯỜNG	SS	TỐT		KHÁ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		Ghi chú
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	762	560	73.49%	165	21.65%	37	4.86%	762	100.00%	0	0.00%	1
THCS BK	1313	1192	90.78%	105	8.00%	16	1.22%	1313	100.00%	0	0.00%	1
THCS CT	761	591	77.66%	132	17.35%	38	4.99%	761	100.00%	0	0.00%	1
THCS DL	242	138	57.02%	91	37.60%	13	5.37%	242	100.00%	0	0.00%	1
THCS LH	620	447	72.10%	130	20.97%	41	6.61%	618	99.68%	2	0.32%	7
THCS LN	281	151	53.74%	101	35.94%	29	10.32%	281	100.00%	0	0.00%	1
THCS TTH	455	299	65.71%	129	28.35%	27	5.93%	455	100.00%	0	0.00%	1
THCS TA	190	88	46.32%	65	34.21%	35	18.42%	188	98.95%	2	1.05%	8
HUYỆN	4624	3466	74.96%	918	19.85%	236	5.10%	4620	99.91%	4	0.09%	



PHÒNG GD&ĐT CẦN GIỜ

THỐNG KÊ ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN TOÁN

HK I - Năm học 2020-2021

TRƯỜNG	KHỐI	SS	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		KÉM		Ghi chú
			8 -->10		6.5 --> 7.9		5 --> 6.4		5 --> 10		3.5 -->4.9		0-->3.4		
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	6	207	54	26.09%	73	35.27%	55	26.57%	182	87.92%	22	10.63%	3	1.45%	3
THCS BK	6	356	214	60.11%	92	25.84%	40	11.24%	346	97.19%	10	2.81%	0	0.00%	1
THCS CT	6	191	78	40.84%	57	29.84%	33	17.28%	168	87.96%	22	11.52%	1	0.52%	2
THCS DL	6	82	20	24.39%	26	31.71%	23	28.05%	69	84.15%	13	15.85%	0	0.00%	5
THCS LH	6	162	60	37.04%	45	27.78%	32	19.75%	137	84.57%	20	12.35%	5	3.09%	4
THCS LN	6	94	15	15.96%	25	26.60%	31	32.98%	71	75.53%	15	15.96%	8	8.51%	7
THCS TTH	6	143	35	24.48%	44	30.77%	36	25.17%	115	80.42%	19	13.29%	9	6.29%	6
THCS TA	6	65	5	7.69%	13	20.00%	24	36.92%	42	64.62%	16	24.62%	7	10.77%	8
HUYỆN		1300	481	37.00%	375	28.85%	274	21.08%	1130	86.92%	137	10.54%	33	2.54%	
THCS ATĐ	7	192	34	17.71%	70	36.46%	58	30.21%	162	84.38%	20	10.42%	10	5.21%	4
THCS BK	7	364	106	29.12%	135	37.09%	83	22.80%	324	89.01%	29	7.97%	11	3.02%	2
THCS CT	7	191	47	24.61%	70	36.65%	52	27.23%	169	88.48%	18	9.42%	4	2.09%	3
THCS DL	7	57	7	12.28%	28	49.12%	17	29.82%	52	91.23%	5	8.77%	0	0.00%	1
THCS LH	7	155	22	14.19%	63	40.65%	41	26.45%	126	81.29%	22	14.19%	7	4.52%	6
THCS LN	7	66	4	6.06%	15	22.73%	11	16.67%	30	45.45%	25	37.88%	11	16.67%	8
THCS TTH	7	93	20	21.51%	19	20.43%	31	33.33%	70	75.27%	17	18.28%	6	6.45%	7
THCS TA	7	38	18	47.37%	5	13.16%	9	23.68%	32	84.21%	6	15.79%	0	0.00%	5
HUYỆN		1156	258	22.32%	405	35.03%	302	26.12%	965	83.48%	142	12.28%	49	4.24%	
THCS ATĐ	8	172	17	9.88%	50	29.07%	70	40.70%	137	79.65%	29	16.86%	6	3.49%	2
THCS BK	8	318	63	19.81%	103	32.39%	85	26.73%	251	78.93%	51	16.04%	16	5.03%	3
THCS CT	8	195	32	16.41%	70	35.90%	57	29.23%	159	81.54%	26	13.33%	10	5.13%	1
THCS DL	8	50	7	14.00%	11	22.00%	21	42.00%	39	78.00%	10	20.00%	1	2.00%	4
THCS LH	8	160	21	13.13%	51	31.88%	46	28.75%	118	73.75%	30	18.75%	12	7.50%	5
THCS LN	8	65	0	0.00%	13	20.00%	33	50.77%	46	70.77%	13	20.00%	6	9.23%	6
THCS TTH	8	118	16	13.56%	21	17.80%	27	22.88%	64	54.24%	20	16.95%	34	28.81%	8
THCS TA	8	57	6	10.53%	17	29.82%	17	29.82%	40	70.18%	7	12.28%	10	17.54%	7
HUYỆN		1135	162	14.27%	336	29.60%	356	31.37%	854	75.24%	186	16.39%	95	8.37%	
THCS ATĐ	9	191	26	13.61%	51	26.70%	75	39.27%	152	79.58%	35	18.32%	4	2.09%	7
THCS BK	9	275	99	36.00%	73	26.55%	64	23.27%	236	85.82%	34	12.36%	5	1.82%	4
THCS CT	9	184	45	24.46%	69	37.50%	52	28.26%	166	90.22%	18	9.78%	0	0.00%	2
THCS DL	9	53	22	41.51%	17	32.08%	11	20.75%	50	94.34%	3	5.66%	0	0.00%	1
THCS LH	9	143	43	30.07%	31	21.68%	50	34.97%	124	86.71%	18	12.59%	1	0.70%	3
THCS LN	9	56	7	12.50%	23	41.07%	16	28.57%	46	82.14%	10	17.86%	0	0.00%	5
THCS TTH	9	101	23	22.77%	19	18.81%	32	31.68%	74	73.27%	22	21.78%	5	4.95%	8
THCS TA	9	30	4	13.33%	6	20.00%	14	46.67%	24	80.00%	6	20.00%	0	0.00%	6
HUYỆN		1033	269	26.04%	289	27.98%	314	30.40%	872	84.41%	146	14.13%	15	1.45%	
TBM TOÀN HUYỆN		4624	1170	25.30%	1405	30.38%	1246	26.95%	3821	82.63%	611	13.21%	192	4.15%	

TRƯỜNG	SỐ HS	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		KÉM		Ghi chú
		8 -->10		6.5 --> 7.9		5 --> 6.4		5 --> 10		3.5 -->4.9		0-->3,4		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	762	131	17.19%	244	32.02%	258	33.86%	633	83.07%	106	13.91%	23	3.02%	4
THCS BK	1313	482	36.71%	403	30.69%	272	20.72%	1157	88.12%	124	9.44%	32	2.44%	1
THCS CT	761	202	26.54%	266	34.95%	194	25.49%	662	86.99%	84	11.04%	15	1.97%	2
THCS DL	242	56	23.14%	82	33.88%	72	29.75%	210	86.78%	31	12.81%	1	0.41%	3
THCS LH	620	146	23.55%	190	30.65%	169	27.26%	505	81.45%	90	14.52%	25	4.03%	5
THCS LN	281	26	9.25%	76	27.05%	91	32.38%	193	68.68%	63	22.42%	25	8.90%	8
THCS TTH	455	94	20.66%	103	22.64%	126	27.69%	323	70.99%	78	17.14%	54	11.87%	7
THCS TA	190	33	17.37%	41	21.58%	64	33.68%	138	72.63%	35	18.42%	17	8.95%	6
HUYỆN	4624	1170	25.30%	1405	30.38%	1246	26.95%	3821	82.63%	611	13.21%	192	4.15%	



THỐNG KÊ ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN VẬT LÝ
HK I - Năm học 2020-2021

TRƯỜNG	KHỐI	SS	GIỎI		KHẢ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		KÉM		Ghi chú
			8 -->10		6.5 --> 7.9		5 --> 6.4		5 --> 10		3.5 -->4.9		0-->3.4		
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	6	207	75	36.23%	78	37.68%	36	17.39%	189	91.30%	14	6.76%	4	1.93%	3
THCS BK	6	356	137	38.48%	107	30.06%	75	21.07%	319	89.61%	30	8.43%	7	1.97%	4
THCS CT	6	191	59	30.89%	79	41.36%	38	19.90%	176	92.15%	15	7.85%	0	0.00%	2
THCS DL	6	82	15	18.29%	30	36.59%	21	25.61%	66	80.49%	10	12.20%	6	7.32%	7
THCS LH	6	162	65	40.12%	34	20.99%	52	32.10%	151	93.21%	11	6.79%	0	0.00%	1
THCS LN	6	94	17	18.09%	31	32.98%	28	29.79%	76	80.85%	13	13.83%	5	5.32%	6
THCS TTH	6	143	37	25.87%	49	34.27%	39	27.27%	125	87.41%	14	9.79%	4	2.80%	5
THCS TA	6	65	3	4.62%	11	16.92%	16	24.62%	30	46.15%	10	15.38%	25	38.46%	8
HUYỆN		1300	408	31.38%	419	32.23%	305	23.46%	1132	87.08%	117	9.00%	51	3.92%	
THCS ATĐ	7	192	26	13.54%	111	57.81%	52	27.08%	189	98.44%	3	1.56%	0	0.00%	1
THCS BK	7	364	109	29.95%	117	32.14%	84	23.08%	310	85.16%	44	12.09%	10	2.75%	7
THCS CT	7	191	111	58.12%	48	25.13%	24	12.57%	183	95.81%	5	2.62%	3	1.57%	2
THCS DL	7	57	19	33.33%	25	43.86%	7	12.28%	51	89.47%	6	10.53%	0	0.00%	5
THCS LH	7	155	53	34.19%	54	34.84%	40	25.81%	147	94.84%	8	5.16%	0	0.00%	4
THCS LN	7	66	13	19.70%	29	43.94%	21	31.82%	63	95.45%	3	4.55%	0	0.00%	3
THCS TTH	7	93	31	33.33%	27	29.03%	24	25.81%	82	88.17%	8	8.60%	3	3.23%	6
THCS TA	7	38	11	28.95%	11	28.95%	8	21.05%	30	78.95%	5	13.16%	3	7.89%	8
HUYỆN		1156	373	32.27%	422	36.51%	260	22.49%	1055	91.26%	82	7.09%	19	1.64%	
THCS ATĐ	8	172	26	15.12%	87	50.58%	47	27.33%	160	93.02%	8	4.65%	4	2.33%	4
THCS BK	8	318	102	32.08%	77	24.21%	82	25.79%	261	82.08%	49	15.41%	8	2.52%	6
THCS CT	8	195	116	59.49%	51	26.15%	18	9.23%	185	94.87%	9	4.62%	1	0.51%	1
THCS DL	8	50	12	24.00%	14	28.00%	21	42.00%	47	94.00%	2	4.00%	1	2.00%	3
THCS LH	8	160	67	41.88%	59	36.88%	25	15.63%	151	94.38%	9	5.63%	0	0.00%	2
THCS LN	8	65	1	1.54%	17	26.15%	37	56.92%	55	84.62%	9	13.85%	1	1.54%	5
THCS TTH	8	118	5	4.24%	32	27.12%	32	27.12%	69	58.47%	30	25.42%	19	16.10%	8
THCS TA	8	57	16	28.07%	19	33.33%	10	17.54%	45	78.95%	9	15.79%	3	5.26%	7
HUYỆN		1135	345	30.40%	356	31.37%	272	23.96%	973	85.73%	125	11.01%	37	3.26%	
THCS ATĐ	9	191	79	41.36%	58	30.37%	40	20.94%	177	92.67%	12	6.28%	2	1.05%	5
THCS BK	9	275	101	36.73%	101	36.73%	60	21.82%	262	95.27%	13	4.73%	0	0.00%	3
THCS CT	9	184	126	68.48%	45	24.46%	12	6.52%	183	99.46%	1	0.54%	0	0.00%	1
THCS DL	9	53	17	32.08%	16	30.19%	17	32.08%	50	94.34%	3	5.66%	0	0.00%	4
THCS LH	9	143	34	23.78%	60	41.96%	44	30.77%	138	96.50%	5	3.50%	0	0.00%	2
THCS LN	9	56	9	16.07%	30	53.57%	11	19.64%	50	89.29%	5	8.93%	1	1.79%	7
THCS TTH	9	101	19	18.81%	22	21.78%	26	25.74%	67	66.34%	23	22.77%	11	10.89%	8
THCS TA	9	30	6	20.00%	8	26.67%	13	43.33%	27	90.00%	3	10.00%	0	0.00%	6
HUYỆN		1033	391	37.85%	340	32.91%	223	21.59%	954	92.35%	65	6.29%	14	1.36%	
TBM TOÀN HUYỆN		4624	1517	32.81%	1537	33.24%	1060	22.92%	4114	88.97%	389	8.41%	121	2.62%	

TRƯỜNG	SỐ HS	GIỎI		KHẢ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		KÉM		Ghi chú
		8 -->10		6.5 --> 7.9		5 --> 6.4		5 --> 10		3.5 -->4.9		0-->3.4		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	762	206	27.03%	334	43.83%	175	22.97%	715	93.83%	37	4.86%	10	1.31%	3
THCS BK	1313	449	34.20%	402	30.62%	301	22.92%	1152	87.74%	136	10.36%	25	1.90%	5
THCS CT	761	412	54.14%	223	29.30%	92	12.09%	727	95.53%	30	3.94%	4	0.53%	1
THCS DL	242	63	26.03%	85	35.12%	66	27.27%	214	88.43%	21	8.68%	7	2.89%	4
THCS LH	620	219	35.32%	207	33.39%	161	25.97%	587	94.68%	33	5.32%	0	0.00%	2
THCS LN	281	40	14.23%	107	38.08%	97	34.52%	244	86.83%	30	10.68%	7	2.49%	6
THCS TTH	455	92	20.22%	130	28.57%	121	26.59%	343	75.38%	75	16.48%	37	8.13%	7
THCS TA	190	36	18.95%	49	25.79%	47	24.74%	132	69.47%	27	14.21%	31	16.32%	8
HUYỆN	4624	1517	32.81%	1537	33.24%	1060	22.92%	4114	88.97%	389	8.41%	121	2.62%	



PHÒNG GD&ĐT CẦN GIỜ

THỐNG KÊ ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN HÓA HỌC
HK I - Năm học 2020-2021

TRƯỜNG	KHỐI	SS	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		KÉM		Ghi chú
			8 →10		6.5 → 7.9		5 →> 6.4		5 →> 10		3.5 →>4.9		0 →>3.4		
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	8	172	77	44.77%	62	36.05%	26	15.12%	165	95.93%	6	3.49%	1	0.58%	2
THCS BK	8	318	166	52.20%	83	26.10%	53	16.67%	302	94.97%	14	4.40%	2	0.63%	3
THCS CT	8	195	100	51.28%	48	24.62%	33	16.92%	181	92.82%	12	6.15%	2	1.03%	5
THCS DL	8	50	17	34.00%	19	38.00%	12	24.00%	48	96.00%	2	4.00%	0	0.00%	1
THCS LH	8	160	47	29.38%	60	37.50%	44	27.50%	151	94.38%	9	5.63%	0	0.00%	4
THCS LN	8	65	11	16.92%	22	33.85%	22	33.85%	55	84.62%	9	13.85%	1	1.54%	6
THCS TTH	8	118	27	22.88%	32	27.12%	31	26.27%	90	76.27%	22	18.64%	6	5.08%	8
THCS TA	8	57	12	21.05%	15	26.32%	20	35.09%	47	82.46%	10	17.54%	0	0.00%	7
HUYỆN		1135	457	40.26%	341	30.04%	241	21.23%	1039	91.54%	84	7.40%	12	1.06%	
THCS ATĐ	9	191	88	46.07%	70	36.65%	33	17.28%	191	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS BK	9	275	143	52.00%	88	32.00%	38	13.82%	269	97.82%	6	2.18%	0	0.00%	3
THCS CT	9	184	86	46.74%	60	32.61%	27	14.67%	173	94.02%	10	5.43%	1	0.54%	4
THCS DL	9	53	22	41.51%	19	35.85%	11	20.75%	52	98.11%	1	1.89%	0	0.00%	2
THCS LH	9	143	57	39.86%	32	22.38%	43	30.07%	132	92.31%	11	7.69%	0	0.00%	5
THCS LN	9	56	6	10.71%	13	23.21%	30	53.57%	49	87.50%	6	10.71%	1	1.79%	6
THCS TTH	9	101	27	26.73%	29	28.71%	30	29.70%	86	85.15%	12	11.88%	3	2.97%	7
THCS TA	9	30	2	6.67%	8	26.67%	5	16.67%	15	50.00%	14	46.67%	1	3.33%	8
HUYỆN		1033	431	41.72%	319	30.88%	217	21.01%	967	93.61%	60	5.81%	6	0.58%	
TBM TOÀN HUYỆN		2168	888	40.96%	660	30.44%	458	21.13%	2006	92.53%	144	6.64%	18	0.83%	

TRƯỜNG	SỐ HS	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		KÉM		Ghi chú
		8 -->10		6.5 --> 7.9		5 --> 6.4		5 --> 10		3.5 -->4.9		0-->3.4		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	363	165	45.45%	132	36.36%	59	16.25%	356	98.07%	6	1.65%	1	0.28%	1
THCS BK	593	309	52.11%	171	28.84%	91	15.35%	571	96.29%	20	3.37%	2	0.34%	3
THCS CT	379	186	49.08%	108	28.50%	60	15.83%	354	93.40%	22	5.80%	3	0.79%	4
THCS DL	103	39	37.86%	38	36.89%	23	22.33%	100	97.09%	3	2.91%	0	0.00%	2
THCS LH	303	104	34.32%	92	30.36%	87	28.71%	283	93.40%	20	6.60%	0	0.00%	5
THCS LN	121	17	14.05%	35	28.93%	52	42.98%	104	85.95%	15	12.40%	2	1.65%	6
THCS TTH	219	54	24.66%	61	27.85%	61	27.85%	176	80.37%	34	15.53%	9	4.11%	7
THCS TA	87	14	16.09%	23	26.44%	25	28.74%	62	71.26%	24	27.59%	1	1.15%	8
HUYỆN	2168	888	40.96%	660	30.44%	458	21.13%	2006	92.53%	144	6.64%	18	0.83%	



THỐNG KÊ ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN NGỮ VĂN
HK I - Năm học 2020-2021

TRƯỜNG	KHỐI	SS	GIỎI		KHẢ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		KÉM		Ghi chú
			8 →10		6.5 → 7.9		5 → 6.4		5 → 10		3.5 →4.9		0→3.4		
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	6	207	60	28.99%	93	44.93%	48	23.19%	201	97.10%	4	1.93%	2	0.97%	2
THCS BK	6	356	74	20.79%	167	46.91%	95	26.69%	336	94.38%	18	5.06%	2	0.56%	5
THCS CT	6	191	53	27.75%	93	48.69%	35	18.32%	181	94.76%	9	4.71%	1	0.52%	4
THCS DL	6	82	26	31.71%	44	53.66%	12	14.63%	82	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LH	6	162	25	15.43%	58	35.80%	50	30.86%	133	82.10%	29	17.90%	0	0.00%	7
THCS LN	6	94	7	7.45%	36	38.30%	42	44.68%	85	90.43%	8	8.51%	1	1.06%	6
THCS TTH	6	143	26	18.18%	77	53.85%	35	24.48%	138	96.50%	5	3.50%	0	0.00%	3
THCS TA	6	65	0	0.00%	18	27.69%	20	30.77%	38	58.46%	20	30.77%	7	10.77%	8
HUYỆN		1300	271	20.85%	586	45.08%	337	25.92%	1194	91.85%	93	7.15%	13	1.00%	
THCS ATĐ	7	192	51	26.56%	99	51.56%	39	20.31%	189	98.44%	3	1.56%	0	0.00%	3
THCS BK	7	364	89	24.45%	172	47.25%	87	23.90%	348	95.60%	13	3.57%	3	0.82%	5
THCS CT	7	191	32	16.75%	100	52.36%	54	28.27%	186	97.38%	4	2.09%	1	0.52%	4
THCS DL	7	57	14	24.56%	35	61.40%	8	14.04%	57	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LH	7	155	17	10.97%	71	45.81%	60	38.71%	148	95.48%	7	4.52%	0	0.00%	6
THCS LN	7	66	10	15.15%	34	51.52%	19	28.79%	63	95.45%	3	4.55%	0	0.00%	7
THCS TTH	7	93	32	34.41%	37	39.78%	23	24.73%	92	98.92%	1	1.08%	0	0.00%	2
THCS TA	7	38	4	10.53%	19	50.00%	11	28.95%	34	89.47%	4	10.53%	0	0.00%	8
HUYỆN		1156	249	21.54%	567	49.05%	301	26.04%	1117	96.63%	35	3.03%	4	0.35%	
THCS ATĐ	8	172	33	19.19%	78	45.35%	50	29.07%	161	93.60%	10	5.81%	1	0.58%	4
THCS BK	8	318	47	14.78%	124	38.99%	113	35.53%	284	89.31%	32	10.06%	2	0.63%	6
THCS CT	8	195	38	19.49%	88	45.13%	53	27.18%	179	91.79%	14	7.18%	2	1.03%	5
THCS DL	8	50	7	14.00%	33	66.00%	10	20.00%	50	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LH	8	160	17	10.63%	62	38.75%	61	38.13%	140	87.50%	20	12.50%	0	0.00%	7
THCS LN	8	65	10	15.38%	33	50.77%	20	30.77%	63	96.92%	2	3.08%	0	0.00%	2
THCS TTH	8	118	22	18.64%	52	44.07%	40	33.90%	114	96.61%	3	2.54%	1	0.85%	3
THCS TA	8	57	3	5.26%	11	19.30%	29	50.88%	43	75.44%	11	19.30%	3	5.26%	8
HUYỆN		1135	177	15.59%	481	42.38%	376	33.13%	1034	91.10%	92	8.11%	9	0.79%	
THCS ATĐ	9	191	59	30.89%	69	36.13%	59	30.89%	187	97.91%	4	2.09%	0	0.00%	5
THCS BK	9	275	81	29.45%	109	39.64%	72	26.18%	262	95.27%	13	4.73%	0	0.00%	7
THCS CT	9	184	36	19.57%	83	45.11%	53	28.80%	172	93.48%	12	6.52%	0	0.00%	8
THCS DL	9	53	4	7.55%	35	66.04%	14	26.42%	53	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LH	9	143	32	22.38%	62	43.36%	47	32.87%	141	98.60%	2	1.40%	0	0.00%	4
THCS LN	9	56	19	33.93%	30	53.57%	7	12.50%	56	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS TTH	9	101	25	24.75%	51	50.50%	25	24.75%	101	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS TA	9	30	3	10.00%	9	30.00%	17	56.67%	29	96.67%	1	3.33%	0	0.00%	6
HUYỆN		1033	259	25.07%	448	43.37%	294	28.46%	1001	96.90%	32	3.10%	0	0.00%	
TBM TOÀN HUYỆN		4624	956	20.67%	2082	45.03%	1308	28.29%	4346	93.99%	252	5.45%	26	0.56%	

TRƯỜNG	SỐ HS	GIỎI		KHẢ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		KÉM		Ghi chú
		8 -->10		6.5 --> 7.9		5 --> 6.4		5 --> 10		3.5 -->4.9		0-->3.4		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	762	203	26.64%	339	44.49%	196	25.72%	738	96.85%	21	2.76%	3	0.39%	3
THCS BK	1313	291	22.16%	572	43.56%	367	27.95%	1230	93.68%	76	5.79%	7	0.53%	6
THCS CT	761	159	20.89%	364	47.83%	195	25.62%	718	94.35%	39	5.12%	4	0.53%	5
THCS DL	242	51	21.07%	147	60.74%	44	18.18%	242	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LH	620	91	14.68%	253	40.81%	218	35.16%	562	90.65%	58	9.35%	0	0.00%	7
THCS LN	281	46	16.37%	133	47.33%	88	31.32%	267	95.02%	13	4.63%	1	0.36%	4
THCS TTH	455	105	23.08%	217	47.69%	123	27.03%	445	97.80%	9	1.98%	1	0.22%	2
THCS TA	190	10	5.26%	57	30.00%	77	40.53%	144	75.79%	36	18.95%	10	5.26%	8
HUYỆN	4624	956	20.67%	2082	45.03%	1308	28.29%	4346	93.99%	252	5.45%	26	0.56%	



PHÒNG GD&ĐT CẦN GIỜ

THỐNG KÊ ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN SINH VẬT
HK I - Năm học 2020-2021

TRƯỜNG	KHỐI	SS	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		KÉM		Ghi chú
			8 →10		6.5 →7.9		5 →→ 6.4		5 →→ 10		3.5 →→4.9		0→→3.4		
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	6	207	162	78.26%	26	12.56%	15	7.25%	203	98.07%	4	1.93%	0	0.00%	2
THCS BK	6	356	274	76.97%	68	19.10%	9	2.53%	351	98.60%	4	1.12%	1	0.28%	1
THCS CT	6	191	122	63.87%	41	21.47%	19	9.95%	182	95.29%	7	3.66%	2	1.05%	3
THCS DL	6	82	28	34.15%	21	25.61%	23	28.05%	72	87.80%	8	9.76%	2	2.44%	6
THCS LH	6	162	79	48.77%	32	19.75%	26	16.05%	137	84.57%	24	14.81%	1	0.62%	7
THCS LN	6	94	38	40.43%	33	35.11%	18	19.15%	89	94.68%	4	4.26%	1	1.06%	4
THCS TTH	6	143	49	34.27%	52	36.36%	31	21.68%	132	92.31%	9	6.29%	2	1.40%	5
THCS TA	6	65	9	13.85%	15	23.08%	11	16.92%	35	53.85%	14	21.54%	16	24.62%	8
HUYỆN		1300	761	58.54%	288	22.15%	152	11.69%	1201	92.38%	74	5.69%	25	1.92%	
THCS ATĐ	7	192	156	81.25%	22	11.46%	14	7.29%	192	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS BK	7	364	211	57.97%	122	33.52%	25	6.87%	358	98.35%	5	1.37%	1	0.27%	3
THCS CT	7	191	103	53.93%	50	26.18%	31	16.23%	184	96.34%	5	2.62%	2	1.05%	5
THCS DL	7	57	15	26.32%	22	38.60%	13	22.81%	50	87.72%	6	10.53%	1	1.75%	7
THCS LH	7	155	51	32.90%	72	46.45%	30	19.35%	153	98.71%	2	1.29%	0	0.00%	2
THCS LN	7	66	38	57.58%	15	22.73%	7	10.61%	60	90.91%	5	7.58%	1	1.52%	6
THCS TTH	7	93	26	27.96%	51	54.84%	14	15.05%	91	97.85%	2	2.15%	0	0.00%	4
THCS TA	7	38	20	52.63%	9	23.68%	4	10.53%	33	86.84%	5	13.16%	0	0.00%	8
HUYỆN		1156	620	53.63%	363	31.40%	138	11.94%	1121	96.97%	30	2.60%	5	0.43%	
THCS ATĐ	8	172	63	36.63%	91	52.91%	17	9.88%	171	99.42%	0	0.00%	1	0.58%	2
THCS BK	8	318	194	61.01%	96	30.19%	26	8.18%	316	99.37%	2	0.63%	0	0.00%	3
THCS CT	8	195	135	69.23%	34	17.44%	17	8.72%	186	95.38%	8	4.10%	1	0.51%	6
THCS DL	8	50	33	66.00%	10	20.00%	7	14.00%	50	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LH	8	160	87	54.38%	40	25.00%	28	17.50%	155	96.88%	5	3.13%	0	0.00%	5
THCS LN	8	65	22	33.85%	29	44.62%	12	18.46%	63	96.92%	2	3.08%	0	0.00%	4
THCS TTH	8	118	43	36.44%	42	35.59%	25	21.19%	110	93.22%	8	6.78%	0	0.00%	7
THCS TA	8	57	33	57.89%	17	29.82%	3	5.26%	53	92.98%	3	5.26%	1	1.75%	8
HUYỆN		1135	610	53.74%	359	31.63%	135	11.89%	1104	97.27%	28	2.47%	3	0.26%	
THCS ATĐ	9	191	109	57.07%	51	26.70%	28	14.66%	188	98.43%	3	1.57%	0	0.00%	3
THCS BK	9	275	159	57.82%	71	25.82%	31	11.27%	261	94.91%	14	5.09%	0	0.00%	6
THCS CT	9	184	125	67.93%	41	22.28%	16	8.70%	182	98.91%	2	1.09%	0	0.00%	2
THCS DL	9	53	24	45.28%	21	39.62%	8	15.09%	53	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LH	9	143	49	34.27%	43	30.07%	43	30.07%	135	94.41%	8	5.59%	0	0.00%	7
THCS LN	9	56	33	58.93%	17	30.36%	5	8.93%	55	98.21%	1	1.79%	0	0.00%	4
THCS TTH	9	101	43	42.57%	44	43.56%	12	11.88%	99	98.02%	2	1.98%	0	0.00%	5
THCS TA	9	30	8	26.67%	9	30.00%	4	13.33%	21	70.00%	6	20.00%	3	10.00%	8
HUYỆN		1033	550	53.24%	297	28.75%	147	14.23%	994	96.22%	36	3.48%	3	0.29%	
TBM TOÀN HUYỆN		4624	2541	54.95%	1307	28.27%	572	12.37%	4420	95.59%	168	3.63%	36	0.78%	

TRƯỜNG	SỐ HS	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		KÉM		Ghi chú
		8 →10		6.5 → 7.9		5 →> 6.4		5 →> 10		3.5 →>4.9		0→>3.4		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	762	490	64.30%	190	24.93%	74	9.71%	754	98.95%	7	0.92%	1	0.13%	1
THCS BK	1313	838	63.82%	357	27.19%	91	6.93%	1286	97.94%	25	1.90%	2	0.15%	2
THCS CT	761	485	63.73%	166	21.81%	83	10.91%	734	96.45%	22	2.89%	5	0.66%	3
THCS DL	242	100	41.32%	74	30.58%	51	21.07%	225	92.98%	14	5.79%	3	1.24%	7
THCS LH	620	266	42.90%	187	30.16%	127	20.48%	580	93.55%	39	6.29%	1	0.16%	6
THCS LN	281	131	46.62%	94	33.45%	42	14.95%	267	95.02%	12	4.27%	2	0.71%	4
THCS TTH	455	161	35.38%	189	41.54%	82	18.02%	432	94.95%	21	4.62%	2	0.44%	5
THCS TA	190	70	36.84%	50	26.32%	22	11.58%	142	74.74%	28	14.74%	20	10.53%	8
HUYỆN	4624	2541	54.95%	1307	28.27%	572	12.37%	4420	95.59%	168	3.63%	36	0.78%	



PHÒNG GD&ĐT CẦN GIỜ

THỐNG KÊ ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN LỊCH SỬ

HK I - Năm học 2020-2021

TRƯỜNG H. T. P. H. H.	KHỐI	SS	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		KÉM		Ghi chú
			8 → 10		6.5 → 7.9		5 → 6.4		5 → 10		3.5 → 4.9		0 → 3.4		
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	6	207	143	69.08%	44	21.26%	13	6.28%	200	96.62%	7	3.38%	0	0.00%	3
THCS BK	6	356	272	76.40%	63	17.70%	17	4.78%	352	98.88%	4	1.12%	0	0.00%	1
THCS CT	6	191	103	53.93%	51	26.70%	34	17.80%	188	98.43%	3	1.57%	0	0.00%	2
THCS DL	6	82	34	41.46%	25	30.49%	15	18.29%	74	90.24%	6	7.32%	2	2.44%	5
THCS LH	6	162	56	34.57%	50	30.86%	26	16.05%	132	81.48%	27	16.67%	3	1.85%	7
THCS LN	6	94	28	29.79%	35	37.23%	17	18.09%	80	85.11%	8	8.51%	6	6.38%	6
THCS TTH	6	143	41	28.67%	65	45.45%	30	20.98%	136	95.10%	7	4.90%	0	0.00%	4
THCS TA	6	65	6	9.23%	6	9.23%	7	10.77%	19	29.23%	18	27.69%	28	43.08%	8
HUYỆN		1300	683	52.54%	339	26.08%	159	12.23%	1181	90.85%	80	6.15%	39	3.00%	
THCS ATĐ	7	192	105	54.69%	65	33.85%	18	9.38%	188	97.92%	4	2.08%	0	0.00%	3
THCS BK	7	364	293	80.49%	54	14.84%	13	3.57%	360	98.90%	2	0.55%	2	0.55%	2
THCS CT	7	191	141	73.82%	38	19.90%	11	5.76%	190	99.48%	1	0.52%	0	0.00%	1
THCS DL	7	57	27	47.37%	20	35.09%	8	14.04%	55	96.49%	2	3.51%	0	0.00%	5
THCS LH	7	155	59	38.06%	50	32.26%	37	23.87%	146	94.19%	9	5.81%	0	0.00%	6
THCS LN	7	66	25	37.88%	9	13.64%	13	19.70%	47	71.21%	8	12.12%	11	16.67%	8
THCS TTH	7	93	39	41.94%	34	36.56%	17	18.28%	90	96.77%	3	3.23%	0	0.00%	4
THCS TA	7	38	21	55.26%	10	26.32%	4	10.53%	35	92.11%	3	7.89%	0	0.00%	7
HUYỆN		1156	710	61.42%	280	24.22%	121	10.47%	1111	96.11%	32	2.77%	13	1.12%	
THCS ATĐ	8	172	142	82.56%	21	12.21%	6	3.49%	169	98.26%	3	1.74%	0	0.00%	3
THCS BK	8	318	188	59.12%	76	23.90%	46	14.47%	310	97.48%	7	2.20%	1	0.31%	4
THCS CT	8	195	132	67.69%	37	18.97%	18	9.23%	187	95.90%	7	3.59%	1	0.51%	6
THCS DL	8	50	32	64.00%	14	28.00%	4	8.00%	50	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LH	8	160	45	28.13%	73	45.63%	37	23.13%	155	96.88%	5	3.13%	0	0.00%	5
THCS LN	8	65	20	30.77%	30	46.15%	12	18.46%	62	95.38%	2	3.08%	1	1.54%	7
THCS TTH	8	118	56	47.46%	44	37.29%	17	14.41%	117	99.15%	1	0.85%	0	0.00%	2
THCS TA	8	57	9	15.79%	16	28.07%	16	28.07%	41	71.93%	14	24.56%	2	3.51%	8
HUYỆN		1135	624	54.98%	311	27.40%	156	13.74%	1091	96.12%	39	3.44%	5	0.44%	
THCS ATĐ	9	191	104	54.45%	64	33.51%	20	10.47%	188	98.43%	3	1.57%	0	0.00%	3
THCS BK	9	275	196	71.27%	44	16.00%	22	8.00%	262	95.27%	11	4.00%	2	0.73%	6
THCS CT	9	184	150	81.52%	28	15.22%	6	3.26%	184	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS DL	9	53	38	71.70%	14	26.42%	1	1.89%	53	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LH	9	143	69	48.25%	53	37.06%	17	11.89%	139	97.20%	4	2.80%	0	0.00%	5
THCS LN	9	56	15	26.79%	31	55.36%	7	12.50%	53	94.64%	3	5.36%	0	0.00%	7
THCS TTH	9	101	39	38.61%	35	34.65%	25	24.75%	99	98.02%	2	1.98%	0	0.00%	4
THCS TA	9	30	10	33.33%	16	53.33%	2	6.67%	28	93.33%	2	6.67%	0	0.00%	8
HUYỆN		1033	621	60.12%	285	27.59%	100	9.68%	1006	97.39%	25	2.42%	2	0.19%	
TBM TOÀN HUYỆN		4624	2638	57.05%	1215	26.28%	536	11.59%	4389	94.92%	176	3.81%	59	1.28%	

TRƯỜNG	SỐ HS	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		KÉM		Ghi chú
		8 -->10		6.5 --> 7.9		5 --> 6.4		5 --> 10		3.5 -->4.9		0-->3.4		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	762	494	64.83%	194	25.46%	57	7.48%	745	97.77%	17	2.23%	0	0.00%	3
THCS BK	1313	949	72.28%	237	18.05%	98	7.46%	1284	97.79%	24	1.83%	5	0.38%	2
THCS CT	761	526	69.12%	154	20.24%	69	9.07%	749	98.42%	11	1.45%	1	0.13%	1
THCS DL	242	131	54.13%	73	30.17%	28	11.57%	232	95.87%	8	3.31%	2	0.83%	5
THCS LH	620	229	36.94%	226	36.45%	117	18.87%	572	92.26%	45	7.26%	3	0.48%	6
THCS LN	281	88	31.32%	105	37.37%	49	17.44%	242	86.12%	21	7.47%	18	6.41%	7
THCS TTH	455	175	38.46%	178	39.12%	89	19.56%	442	97.14%	13	2.86%	0	0.00%	4
THCS TA	190	46	24.21%	48	25.26%	29	15.26%	123	64.74%	37	19.47%	30	15.79%	8
HUYỆN	4624	2638	57.05%	1215	26.28%	536	11.59%	4389	94.92%	176	3.81%	59	1.28%	



THỐNG KÊ ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN ĐỊA LÝ
HK I - Năm học 2020-2021

TRƯỜNG	KHỐI	SS	GIỎI 8 --> 10		KHÁ 6.5 --> 7.9		T BÌNH 5 --> 6.4		ĐYC 5 --> 10		YẾU 3.5 --> 4.9		KÉM 0 --> 3.4		Ghi chú
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	6	207	145	70.05%	46	22.22%	15	7.25%	206	99.52%	1	0.48%	0	0.00%	1
THCS BK	6	356	225	63.20%	85	23.88%	31	8.71%	341	95.79%	14	3.93%	1	0.28%	3
THCS CT	6	191	111	58.12%	48	25.13%	17	8.90%	176	92.15%	11	5.76%	4	2.09%	6
THCS DL	6	82	10	12.20%	27	32.93%	23	28.05%	60	73.17%	17	20.73%	5	6.10%	7
THCS LH	6	162	90	55.56%	33	20.37%	28	17.28%	151	93.21%	11	6.79%	0	0.00%	5
THCS LN	6	94	50	53.19%	29	30.85%	12	12.77%	91	96.81%	3	3.19%	0	0.00%	2
THCS TTH	6	143	47	32.87%	61	42.66%	27	18.88%	135	94.41%	7	4.90%	1	0.70%	4
THCS TA	6	65	14	21.54%	9	13.85%	12	18.46%	35	53.85%	20	30.77%	10	15.38%	8
HUYỆN		1300	692	53.23%	338	26.00%	165	12.69%	1195	91.92%	84	6.46%	21	1.62%	
THCS ATĐ	7	192	110	57.29%	67	34.90%	15	7.81%	192	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS BK	7	364	257	70.60%	82	22.53%	18	4.95%	357	98.08%	7	1.92%	0	0.00%	4
THCS CT	7	191	143	74.87%	38	19.90%	9	4.71%	190	99.48%	1	0.52%	0	0.00%	3
THCS DL	7	57	9	15.79%	26	45.61%	14	24.56%	49	85.96%	8	14.04%	0	0.00%	8
THCS LH	7	155	122	78.71%	25	16.13%	8	5.16%	155	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LN	7	66	35	53.03%	15	22.73%	12	18.18%	62	93.94%	4	6.06%	0	0.00%	5
THCS TTH	7	93	35	37.63%	33	35.48%	17	18.28%	85	91.40%	6	6.45%	2	2.15%	6
THCS TA	7	38	10	26.32%	16	42.11%	7	18.42%	33	86.84%	5	13.16%	0	0.00%	7
HUYỆN		1156	721	62.37%	302	26.12%	100	8.65%	1123	97.15%	31	2.68%	2	0.17%	
THCS ATĐ	8	172	122	70.93%	43	25.00%	4	2.33%	169	98.26%	2	1.16%	1	0.58%	3
THCS BK	8	318	189	59.43%	77	24.21%	41	12.89%	307	96.54%	11	3.46%	0	0.00%	6
THCS CT	8	195	120	61.54%	51	26.15%	20	10.26%	191	97.95%	3	1.54%	1	0.51%	4
THCS DL	8	50	33	66.00%	13	26.00%	4	8.00%	50	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LH	8	160	79	49.38%	45	28.13%	23	14.38%	147	91.88%	10	6.25%	3	1.88%	7
THCS LN	8	65	20	30.77%	27	41.54%	16	24.62%	63	96.92%	2	3.08%	0	0.00%	5
THCS TTH	8	118	36	30.51%	57	48.31%	25	21.19%	118	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS TA	8	57	9	15.79%	12	21.05%	17	29.82%	38	66.67%	14	24.56%	5	8.77%	8
HUYỆN		1135	608	53.57%	325	28.63%	150	13.22%	1083	95.42%	42	3.70%	10	0.88%	
THCS ATĐ	9	191	102	53.40%	63	32.98%	23	12.04%	188	98.43%	3	1.57%	0	0.00%	5
THCS BK	9	275	161	58.55%	60	21.82%	40	14.55%	261	94.91%	14	5.09%	0	0.00%	6
THCS CT	9	184	123	66.85%	45	24.46%	16	8.70%	184	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS DL	9	53	23	43.40%	27	50.94%	3	5.66%	53	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LH	9	143	49	34.27%	38	26.57%	37	25.87%	124	86.71%	18	12.59%	1	0.70%	8
THCS LN	9	56	47	83.93%	8	14.29%	1	1.79%	56	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS TTH	9	101	47	46.53%	35	34.65%	18	17.82%	100	99.01%	1	0.99%	0	0.00%	4
THCS TA	9	30	6	20.00%	10	33.33%	12	40.00%	28	93.33%	2	6.67%	0	0.00%	7
HUYỆN		1033	558	54.02%	286	27.69%	150	14.52%	994	96.22%	38	3.68%	1	0.10%	
TBM TOÀN HUYỆN		4624	2579	55.77%	1251	27.05%	565	12.22%	4395	95.05%	195	4.22%	34	0.74%	

TRƯỜNG	SỐ HS	GIỎI 8 --> 10		KHÁ 6.5 --> 7.9		T BÌNH 5 --> 6.4		ĐYC 5 --> 10		YẾU 3.5 --> 4.9		KÉM 0 --> 3.4		Ghi chú
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	762	479	62.86%	219	28.74%	57	7.48%	755	99.08%	6	0.79%	1	0.13%	1
THCS BK	1313	832	63.37%	304	23.15%	130	9.90%	1266	96.42%	46	3.50%	1	0.08%	4
THCS CT	761	497	65.31%	182	23.92%	62	8.15%	741	97.37%	15	1.97%	5	0.66%	2
THCS DL	242	75	30.99%	93	38.43%	44	18.18%	212	87.60%	25	10.33%	5	2.07%	7
THCS LH	620	340	54.84%	141	22.74%	96	15.48%	577	93.06%	39	6.29%	4	0.65%	6
THCS LN	281	152	54.09%	79	28.11%	41	14.59%	272	96.80%	9	3.20%	0	0.00%	3
THCS TTH	455	165	36.26%	186	40.88%	87	19.12%	438	96.26%	14	3.08%	3	0.66%	5
THCS TA	190	39	20.53%	47	24.74%	48	25.26%	134	70.53%	41	21.58%	15	7.89%	8
HUYỆN	4624	2579	55.77%	1251	27.05%	565	12.22%	4395	95.05%	195	4.22%	34	0.74%	



PHÒNG GD&ĐT CẦN GIỜ

THỐNG KÊ ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN GDCD

HK I -Năm học 2020-2021

TRƯỜNG	KHỐI	SS	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		KÉM		Ghi chú
			8 →10		6.5 → 7.9		5 →→ 6.4		5 →→ 10		3.5 →→4.9		0→→3.4		
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	6	207	108	52.17%	51	24.64%	32	15.46%	191	92.27%	15	7.25%	1	0.48%	7
THCS BK	6	356	317	89.04%	33	9.27%	4	1.12%	354	99.44%	2	0.56%	0	0.00%	2
THCS CT	6	191	142	74.35%	39	20.42%	7	3.66%	188	98.43%	3	1.57%	0	0.00%	3
THCS DL	6	82	47	57.32%	23	28.05%	12	14.63%	82	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LH	6	162	75	46.30%	39	24.07%	42	25.93%	156	96.30%	6	3.70%	0	0.00%	5
THCS LN	6	94	17	18.09%	38	40.43%	26	27.66%	81	86.17%	11	11.70%	2	2.13%	8
THCS TTH	6	143	67	46.85%	50	34.97%	23	16.08%	140	97.90%	3	2.10%	0	0.00%	4
THCS TA	6	65	38	58.46%	16	24.62%	8	12.31%	62	95.38%	1	1.54%	2	3.08%	6
HUYỆN		1300	811	62.38%	289	22.23%	154	11.85%	1254	96.46%	41	3.15%	5	0.38%	
THCS ATĐ	7	192	80	41.67%	64	33.33%	41	21.35%	185	96.35%	7	3.65%	0	0.00%	5
THCS BK	7	364	234	64.29%	83	22.80%	41	11.26%	358	98.35%	5	1.37%	1	0.27%	4
THCS CT	7	191	138	72.25%	31	16.23%	19	9.95%	188	98.43%	3	1.57%	0	0.00%	3
THCS DL	7	57	39	68.42%	11	19.30%	7	12.28%	57	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LH	7	155	61	39.35%	45	29.03%	41	26.45%	147	94.84%	8	5.16%	0	0.00%	7
THCS LN	7	66	22	33.33%	17	25.76%	15	22.73%	54	81.82%	11	16.67%	1	1.52%	8
THCS TTH	7	93	40	43.01%	30	32.26%	19	20.43%	89	95.70%	4	4.30%	0	0.00%	6
THCS TA	7	38	31	81.58%	7	18.42%	0	0.00%	38	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
HUYỆN		1156	645	55.80%	288	24.91%	183	15.83%	1116	96.54%	38	3.29%	2	0.17%	
THCS ATĐ	8	172	104	60.47%	50	29.07%	16	9.30%	170	98.84%	2	1.16%	0	0.00%	3
THCS BK	8	318	223	70.13%	72	22.64%	22	6.92%	317	99.69%	1	0.31%	0	0.00%	2
THCS CT	8	195	142	72.82%	39	20.00%	10	5.13%	191	97.95%	4	2.05%	0	0.00%	4
THCS DL	8	50	27	54.00%	19	38.00%	4	8.00%	50	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LH	8	160	55	34.38%	58	36.25%	39	24.38%	152	95.00%	7	4.38%	1	0.63%	6
THCS LN	8	65	14	21.54%	20	30.77%	21	32.31%	55	84.62%	10	15.38%	0	0.00%	8
THCS TTH	8	118	33	27.97%	38	32.20%	42	35.59%	113	95.76%	5	4.24%	0	0.00%	5
THCS TA	8	57	8	14.04%	29	50.88%	14	24.56%	51	89.47%	5	8.77%	1	1.75%	7
HUYỆN		1135	606	53.39%	325	28.63%	168	14.80%	1099	96.83%	34	3.00%	2	0.18%	
THCS ATĐ	9	191	136	71.20%	39	20.42%	16	8.38%	191	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS BK	9	275	238	86.55%	25	9.09%	10	3.64%	273	99.27%	2	0.73%	0	0.00%	5
THCS CT	9	184	178	96.74%	5	2.72%	1	0.54%	184	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS DL	9	53	36	67.92%	16	30.19%	1	1.89%	53	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LH	9	143	39	27.27%	46	32.17%	48	33.57%	133	93.01%	8	5.59%	2	1.40%	7
THCS LN	9	56	22	39.29%	20	35.71%	10	17.86%	52	92.86%	4	7.14%	0	0.00%	8
THCS TTH	9	101	37	36.63%	37	36.63%	24	23.76%	98	97.03%	3	2.97%	0	0.00%	6
THCS TA	9	30	18	60.00%	9	30.00%	3	10.00%	30	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
HUYỆN		1033	704	68.15%	197	19.07%	113	10.94%	1014	98.16%	17	1.65%	2	0.19%	
TBM TOÀN HUYỆN		4624	2766	59.82%	1099	23.77%	618	13.37%	4483	96.95%	130	2.81%	11	0.24%	

TRƯỜNG	SĨ SỐ HS	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		KÉM		Ghi chú
		8 →10		6.5 → 7.9		5 → 6.4		5 → 10		3.5 →4.9		0→3.4		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	762	428	56.17%	204	26.77%	105	13.78%	737	96.72%	24	3.15%	1	0.13%	4
THCS BK	1313	1012	77.08%	213	16.22%	77	5.86%	1302	99.16%	10	0.76%	1	0.08%	2
THCS CT	761	600	78.84%	114	14.98%	37	4.86%	751	98.69%	10	1.31%	0	0.00%	3
THCS DL	242	149	61.57%	69	28.51%	24	9.92%	242	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LH	620	230	37.10%	188	30.32%	170	27.42%	588	94.84%	29	4.68%	3	0.48%	7
THCS LN	281	75	26.69%	95	33.81%	72	25.62%	242	86.12%	36	12.81%	3	1.07%	8
THCS TTH	455	177	38.90%	155	34.07%	108	23.74%	440	96.70%	15	3.30%	0	0.00%	5
THCS TA	190	95	50.00%	61	32.11%	25	13.16%	181	95.26%	6	3.16%	3	1.58%	6
HUYỆN	4624	2766	59.82%	1099	23.77%	618	13.37%	4483	96.95%	130	2.81%	11	0.24%	



PHÒNG GD&ĐT CẦN GIỜ

THỐNG KÊ ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN TIẾNG ANH
HK I - Năm học 2020-2021

TRƯỜNG	KHỐI	SS	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		KÉM		Ghi chú
			8 →10		6.5 →7.9		5 →6.4		5 →10		3.5 →4.9		0→3.4		
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	6	207	52	25.12%	48	23.19%	57	27.54%	157	75.85%	36	17.39%	14	6.76%	4
THCS BK	6	356	144	40.45%	94	26.40%	73	20.51%	311	87.36%	43	12.08%	2	0.56%	1
THCS CT	6	191	81	42.41%	34	17.80%	43	22.51%	158	82.72%	31	16.23%	2	1.05%	2
THCS DL	6	82	6	7.32%	16	19.51%	31	37.80%	53	64.63%	29	35.37%	0	0.00%	7
THCS LH	6	162	47	29.01%	32	19.75%	49	30.25%	128	79.01%	28	17.28%	6	3.70%	3
THCS LN	6	94	8	8.51%	23	24.47%	34	36.17%	65	69.15%	27	28.72%	2	2.13%	6
THCS TTH	6	143	39	27.27%	28	19.58%	36	25.17%	103	72.03%	31	21.68%	9	6.29%	5
THCS TA	6	65	10	15.38%	10	15.38%	14	21.54%	34	52.31%	15	23.08%	16	24.62%	8
HUYỆN		1300	387	29.77%	285	21.92%	337	25.92%	1009	77.62%	240	18.46%	51	3.92%	
THCS ATĐ	7	192	24	12.50%	55	28.65%	81	42.19%	160	83.33%	30	15.63%	2	1.04%	3
THCS BK	7	364	99	27.20%	108	29.67%	101	27.75%	308	84.62%	46	12.64%	10	2.75%	1
THCS CT	7	191	61	31.94%	48	25.13%	49	25.65%	158	82.72%	33	17.28%	0	0.00%	4
THCS DL	7	57	3	5.26%	13	22.81%	28	49.12%	44	77.19%	13	22.81%	0	0.00%	5
THCS LH	7	155	28	18.06%	25	16.13%	57	36.77%	110	70.97%	42	27.10%	3	1.94%	6
THCS LN	7	66	6	9.09%	7	10.61%	9	13.64%	22	33.33%	26	39.39%	18	27.27%	8
THCS TTH	7	93	16	17.20%	12	12.90%	25	26.88%	53	56.99%	28	30.11%	12	12.90%	7
THCS TA	7	38	12	31.58%	12	31.58%	8	21.05%	32	84.21%	5	13.16%	1	2.63%	2
HUYỆN		1156	249	21.54%	280	24.22%	358	30.97%	887	76.73%	223	19.29%	46	3.98%	
THCS ATĐ	8	172	22	12.79%	49	28.49%	54	31.40%	125	72.67%	36	20.93%	11	6.40%	4
THCS BK	8	318	73	22.96%	110	34.59%	96	30.19%	279	87.74%	37	11.64%	2	0.63%	2
THCS CT	8	195	21	10.77%	50	25.64%	47	24.10%	118	60.51%	56	28.72%	21	10.77%	5
THCS DL	8	50	1	2.00%	22	44.00%	23	46.00%	46	92.00%	4	8.00%	0	0.00%	1
THCS LH	8	160	12	7.50%	38	23.75%	69	43.13%	119	74.38%	40	25.00%	1	0.63%	3
THCS LN	8	65	0	0.00%	5	7.69%	18	27.69%	23	35.38%	28	43.08%	14	21.54%	7
THCS TTH	8	118	9	7.63%	17	14.41%	35	29.66%	61	51.69%	44	37.29%	13	11.02%	6
THCS TA	8	57	2	3.51%	1	1.75%	8	14.04%	11	19.30%	20	35.09%	26	45.61%	8
HUYỆN		1135	140	12.33%	292	25.73%	350	30.84%	782	68.90%	265	23.35%	88	7.75%	
THCS ATĐ	9	191	25	13.09%	46	24.08%	71	37.17%	142	74.35%	43	22.51%	6	3.14%	5
THCS BK	9	275	59	21.45%	113	41.09%	80	29.09%	252	91.64%	19	6.91%	4	1.45%	2
THCS CT	9	184	31	16.85%	59	32.07%	66	35.87%	156	84.78%	25	13.59%	3	1.63%	3
THCS DL	9	53	0	0.00%	19	35.85%	33	62.26%	52	98.11%	1	1.89%	0	0.00%	1
THCS LH	9	143	11	7.69%	35	24.48%	63	44.06%	109	76.22%	31	21.68%	3	2.10%	4
THCS LN	9	56	0	0.00%	4	7.14%	32	57.14%	36	64.29%	18	32.14%	2	3.57%	7
THCS TTH	9	101	11	10.89%	16	15.84%	40	39.60%	67	66.34%	32	31.68%	2	1.98%	6
THCS TA	9	30	0	0.00%	2	6.67%	16	53.33%	18	60.00%	11	36.67%	1	3.33%	8
HUYỆN		1033	137	13.26%	294	28.46%	401	38.82%	832	80.54%	180	17.42%	21	2.03%	
TBM TOÀN HUYỆN		4624	913	19.74%	1151	24.89%	1446	31.27%	3510	75.91%	908	19.64%	206	4.46%	

TRƯỜNG	SỐ HS	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		KÉM		Ghi chú
		8 -->10		6.5 --> 7.9		5 --> 6.4		5 --> 10		3.5 -->4.9		0-->3.4		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	762	123	16.14%	198	25.98%	263	34.51%	584	76.64%	145	19.03%	33	4.33%	4
THCS BK	1313	375	28.56%	425	32.37%	350	26.66%	1150	87.59%	145	11.04%	18	1.37%	1
THCS CT	761	194	25.49%	191	25.10%	205	26.94%	590	77.53%	145	19.05%	26	3.42%	3
THCS DL	242	10	4.13%	70	28.93%	115	47.52%	195	80.58%	47	19.42%	0	0.00%	2
THCS LH	620	98	15.81%	130	20.97%	238	38.39%	466	75.16%	141	22.74%	13	2.10%	5
THCS LN	281	14	4.98%	39	13.88%	93	33.10%	146	51.96%	99	35.23%	36	12.81%	7
THCS TTH	455	75	16.48%	73	16.04%	136	29.89%	284	62.42%	135	29.67%	36	7.91%	6
THCS TA	190	24	12.63%	25	13.16%	46	24.21%	95	50.00%	51	26.84%	44	23.16%	8
HUYỆN	4624	913	19.74%	1151	24.89%	1446	31.27%	3510	75.91%	908	19.64%	206	4.46%	



PHÒNG GD&ĐT CẦN GIỜ

THỐNG KÊ ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN CÔNG NGHỆ

HK I - Năm học 2020-2021

TRƯỜNG	KHỐI	SS	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		KÉM		Ghi chú
			8 →10		6.5 → 7.9		5 → 6.4		5 → 10		3.5 →4.9		0→3.4		
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	6	207	103	49.76%	65	31.40%	36	17.39%	204	98.55%	3	1.45%	0	0.00%	6
THCS BK	6	356	297	83.43%	54	15.17%	5	1.40%	356	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS CT	6	191	112	58.64%	69	36.13%	10	5.24%	191	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS DL	6	82	30	36.59%	40	48.78%	10	12.20%	80	97.56%	2	2.44%	0	0.00%	7
THCS LH	6	162	67	41.36%	53	32.72%	42	25.93%	162	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LN	6	94	36	38.30%	45	47.87%	12	12.77%	93	98.94%	1	1.06%	0	0.00%	5
THCS TTH	6	143	86	60.14%	45	31.47%	11	7.69%	142	99.30%	1	0.70%	0	0.00%	4
THCS TA	6	65	13	20.00%	23	35.38%	20	30.77%	56	86.15%	8	12.31%	1	1.54%	8
HUYỆN		1300	744	57.23%	394	30.31%	146	11.23%	1284	98.77%	15	1.15%	1	0.08%	
THCS ATĐ	7	192	151	78.65%	37	19.27%	4	2.08%	192	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS BK	7	364	223	61.26%	110	30.22%	21	5.77%	354	97.25%	10	2.75%	0	0.00%	5
THCS CT	7	191	122	63.87%	39	20.42%	22	11.52%	183	95.81%	8	4.19%	0	0.00%	6
THCS DL	7	57	30	52.63%	14	24.56%	13	22.81%	57	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LH	7	155	46	29.68%	51	32.90%	49	31.61%	146	94.19%	9	5.81%	0	0.00%	7
THCS LN	7	66	37	56.06%	21	31.82%	8	12.12%	66	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS TTH	7	93	60	64.52%	23	24.73%	8	8.60%	91	97.85%	2	2.15%	0	0.00%	4
THCS TA	7	38	25	65.79%	7	18.42%	2	5.26%	34	89.47%	4	10.53%	0	0.00%	8
HUYỆN		1156	694	60.03%	302	26.12%	127	10.99%	1123	97.15%	33	2.85%	0	0.00%	
THCS ATĐ	8	172	131	76.16%	30	17.44%	7	4.07%	168	97.67%	3	1.74%	1	0.58%	3
THCS BK	8	318	196	61.64%	105	33.02%	17	5.35%	318	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS CT	8	195	100	51.28%	61	31.28%	25	12.82%	186	95.38%	8	4.10%	1	0.51%	6
THCS DL	8	50	32	64.00%	18	36.00%	0	0.00%	50	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LH	8	160	50	31.25%	59	36.88%	40	25.00%	149	93.13%	10	6.25%	1	0.63%	8
THCS LN	8	65	14	21.54%	33	50.77%	16	24.62%	63	96.92%	2	3.08%	0	0.00%	4
THCS TTH	8	118	24	20.34%	46	38.98%	42	35.59%	112	94.92%	6	5.08%	0	0.00%	7
THCS TA	8	57	13	22.81%	31	54.39%	11	19.30%	55	96.49%	2	3.51%	0	0.00%	5
HUYỆN		1135	560	49.34%	383	33.74%	158	13.92%	1101	97.00%	31	2.73%	3	0.26%	
THCS ATĐ	9	191	146	76.44%	30	15.71%	14	7.33%	190	99.48%	1	0.52%	0	0.00%	6
THCS BK	9	275	164	59.64%	61	22.18%	43	15.64%	268	97.45%	6	2.18%	1	0.36%	7
THCS CT	9	184	140	76.09%	38	20.65%	6	3.26%	184	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS DL	9	53	24	45.28%	23	43.40%	6	11.32%	53	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LH	9	143	73	51.05%	40	27.97%	21	14.69%	134	93.71%	9	6.29%	0	0.00%	8
THCS LN	9	56	32	57.14%	21	37.50%	3	5.36%	56	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS TTH	9	101	65	64.36%	27	26.73%	9	8.91%	101	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS TA	9	30	12	40.00%	11	36.67%	7	23.33%	30	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
HUYỆN		1033	656	63.50%	251	24.30%	109	10.55%	1016	98.35%	16	1.55%	1	0.10%	
TBM TOÀN HUYỆN		4624	2654	57.40%	1330	28.76%	540	11.68%	4524	97.84%	95	2.05%	5	0.11%	

TRƯỜNG	SỐ HS	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		KÉM		Ghi chú
		8 -->10		6.5 --> 7.9		5 --> 6.4		5 --> 10		3.5 -->4.9		0-->3.4		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	762	531	69.69%	162	21.26%	61	8.01%	754	98.95%	7	0.92%	1	0.13%	2
THCS BK	1313	880	67.02%	330	25.13%	86	6.55%	1296	98.71%	16	1.22%	1	0.08%	4
THCS CT	761	474	62.29%	207	27.20%	63	8.28%	744	97.77%	16	2.10%	1	0.13%	6
THCS DL	242	116	47.93%	95	39.26%	29	11.98%	240	99.17%	2	0.83%	0	0.00%	1
THCS LH	620	236	38.06%	203	32.74%	152	24.52%	591	95.32%	28	4.52%	1	0.16%	7
THCS LN	281	119	42.35%	120	42.70%	39	13.88%	278	98.93%	3	1.07%	0	0.00%	3
THCS TTH	455	235	51.65%	141	30.99%	70	15.38%	446	98.02%	9	1.98%	0	0.00%	5
THCS TA	190	63	33.16%	72	37.89%	40	21.05%	175	92.11%	14	7.37%	1	0.53%	8
HUYỆN	4624	2654	57.40%	1330	28.76%	540	11.68%	4524	97.84%	95	2.05%	5	0.11%	



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CẦN GIỜ

THỐNG KÊ ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN THỂ DỤC
HK I - Năm học 2020-2021

TRƯỜNG	KHỐI	SS	ĐẠT		ĐYC		CHƯA ĐẠT		Ghi chú
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	6	207	207	100.00%	207	100.00%	0	0.00%	1
THCS BK	6	356	356	100.00%	356	100.00%	0	0.00%	1
THCS CT	6	191	191	100.00%	191	100.00%	0	0.00%	1
THCS DL	6	82	82	100.00%	82	100.00%	0	0.00%	1
THCS LH	6	162	162	100.00%	162	100.00%	0	0.00%	1
THCS LN	6	94	94	100.00%	94	100.00%	0	0.00%	1
THCS TTH	6	143	143	100.00%	143	100.00%	0	0.00%	1
THCS TA	6	65	65	100.00%	65	100.00%	0	0.00%	1
HUYỆN	1300	1300	1300	100.00%	1300	100.00%	0	0.00%	
THCS ATĐ	7	192	192	100.00%	192	100.00%	0	0.00%	1
THCS BK	7	364	364	100.00%	364	100.00%	0	0.00%	1
THCS CT	7	191	191	100.00%	191	100.00%	0	0.00%	1
THCS DL	7	57	57	100.00%	57	100.00%	0	0.00%	1
THCS LH	7	155	155	100.00%	155	100.00%	0	0.00%	1
THCS LN	7	66	66	100.00%	66	100.00%	0	0.00%	1
THCS TTH	7	93	93	100.00%	93	100.00%	0	0.00%	1
THCS TA	7	38	38	100.00%	38	100.00%	0	0.00%	1
HUYỆN	1156	1156	1156	100.00%	1156	100.00%	0	0.00%	
THCS ATĐ	8	172	172	100.00%	172	100.00%	0	0.00%	1
THCS BK	8	318	318	100.00%	318	100.00%	0	0.00%	1
THCS CT	8	195	195	100.00%	195	100.00%	0	0.00%	1
THCS DL	8	50	50	100.00%	50	100.00%	0	0.00%	1
THCS LH	8	160	160	100.00%	160	100.00%	0	0.00%	1
THCS LN	8	65	65	100.00%	65	100.00%	0	0.00%	1
THCS TTH	8	118	113	95.76%	113	95.76%	5	4.24%	8
THCS TA	8	57	57	100.00%	57	100.00%	0	0.00%	1
HUYỆN	1135	1130	1130	99.56%	1130	99.56%	5	0.44%	
THCS ATĐ	9	191	191	100.00%	191	100.00%	0	0.00%	1
THCS BK	9	275	275	100.00%	275	100.00%	0	0.00%	1
THCS CT	9	184	184	100.00%	184	100.00%	0	0.00%	1
THCS DL	9	53	53	100.00%	53	100.00%	0	0.00%	1
THCS LH	9	143	143	100.00%	143	100.00%	0	0.00%	1
THCS LN	9	56	55	98.21%	55	98.21%	1	1.79%	8
THCS TTH	9	101	101	100.00%	101	100.00%	0	0.00%	1
THCS TA	9	30	30	100.00%	30	100.00%	0	0.00%	1
HUYỆN	1033	1032	1032	99.90%	1032	99.90%	1	0.10%	
TBM TOÀN HUYỆN	4624	4618	4618	0.00%	4618	99.87%	6	0.54%	

TRƯỜNG	SỐ HS	ĐẠT		ĐYC		CHƯA ĐẠT		Ghi chú
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	762	762	100.00%	762	100.00%	0	0.00%	1
THCS BK	1313	1313	100.00%	1313	100.00%	0	0.00%	1
THCS CT	761	761	100.00%	761	100.00%	0	0.00%	1
THCS DL	242	242	100.00%	242	100.00%	0	0.00%	1
THCS LH	620	620	100.00%	620	100.00%	0	0.00%	1
THCS LN	281	280	99.64%	280	99.64%	1	0.36%	7
THCS TTH	455	450	98.90%	450	98.90%	5	1.10%	8
THCS TA	190	190	100.00%	190	100.00%	0	0.00%	1
HUYỆN	4624	4618	99.87%	4618	99.87%	6	0.13%	



THỐNG KÊ ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN ÂM NHẠC
HK I - Năm học 2020-2021

TRƯỜNG	KHỐI	SS	ĐẠT		ĐYC		CHƯA ĐẠT		Ghi chú
			SL	TL	SL	TL	SL	SL	
THCS ATĐ	6	207	207	100.00%	207	100.00%	0	0.00%	1
THCS BK	6	356	356	100.00%	356	100.00%	0	0.00%	1
THCS CT	6	191	191	100.00%	191	100.00%	0	0.00%	1
THCS DL	6	82	82	100.00%	82	100.00%	0	0.00%	1
THCS LH	6	162	162	100.00%	162	100.00%	0	0.00%	1
THCS LN	6	94	94	100.00%	94	100.00%	0	0.00%	1
THCS TTH	6	143	143	100.00%	143	100.00%	0	0.00%	1
THCS TA	6	65	65	100.00%	65	100.00%	0	0.00%	1
HUYỆN		1300	1300	100.00%	1300	100.00%	0	0.00%	
THCS ATĐ	7	192	192	100.00%	192	100.00%	0	0.00%	1
THCS BK	7	364	364	100.00%	364	100.00%	0	0.00%	1
THCS CT	7	191	191	100.00%	191	100.00%	0	0.00%	1
THCS DL	7	57	57	100.00%	57	100.00%	0	0.00%	1
THCS LH	7	155	155	100.00%	155	100.00%	0	0.00%	1
THCS LN	7	66	66	100.00%	66	100.00%	0	0.00%	1
THCS TTH	7	93	93	100.00%	93	100.00%	0	0.00%	1
THCS TA	7	38	38	100.00%	38	100.00%	0	0.00%	1
HUYỆN		1156	1156	100.00%	1156	100.00%	0	0.00%	
THCS ATĐ	8	172	171	99.42%	171	99.42%	1	0.58%	8
THCS BK	8	318	318	100.00%	318	100.00%	0	0.00%	1
THCS CT	8	195	195	100.00%	195	100.00%	0	0.00%	1
THCS DL	8	50	50	100.00%	50	100.00%	0	0.00%	1
THCS LH	8	160	160	100.00%	160	100.00%	0	0.00%	1
THCS LN	8	65	65	100.00%	65	100.00%	0	0.00%	1
THCS TTH	8	118	118	100.00%	118	100.00%	0	0.00%	1
THCS TA	8	57	57	100.00%	57	100.00%	0	0.00%	1
HUYỆN		1135	1134	99.91%	1134	99.91%	1	0.09%	
THCS ATĐ	9	0	0	#DIV/0!	0	#DIV/0!	0	#DIV/0!	####
THCS BK	9	275	275	100.00%	275	100.00%	0	0.00%	####
THCS CT	9	184	184	100.00%	184	100.00%	0	0.00%	####
THCS DL	9	0	0	#DIV/0!	0	#DIV/0!	0	#DIV/0!	####
THCS LH	9	0	0	#DIV/0!	0	#DIV/0!	0	#DIV/0!	####
THCS LN	9	0	0	#DIV/0!	0	#DIV/0!	0	#DIV/0!	####
THCS TTH	9	0	0	#DIV/0!	0	#DIV/0!	0	#DIV/0!	####
THCS TA	9	30	30	100.00%	30	100.00%	0	0.00%	####
HUYỆN		489	489	100.00%	489	100.00%	0	0.00%	
TBM TOÀN HUYỆN		4080	4079	0.00%	4079	99.98%	1	0.09%	

TRƯỜNG	SỐ HS	ĐẠT		ĐYC		CHƯA ĐẠT		Ghi chú
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	571	570	99.82%	570	99.82%	1	0.18%	8
THCS BK	1313	1313	100.00%	1313	100.00%	0	0.00%	1
THCS CT	761	761	100.00%	761	100.00%	0	0.00%	1
THCS DL	189	189	100.00%	189	100.00%	0	0.00%	1
THCS LH	477	477	100.00%	477	100.00%	0	0.00%	1
THCS LN	225	225	100.00%	225	100.00%	0	0.00%	1
THCS TTH	354	354	100.00%	354	100.00%	0	0.00%	1
THCS TA	190	190	100.00%	190	100.00%	0	0.00%	1
HUYỆN	4080	4079	99.98%	4079	99.98%	1	0.02%	



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN GIỜ

THỐNG KÊ ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN MỸ THUẬT
HK I - Năm học 2020-2021

TRƯỜNG	KHỐI	SS	ĐẠT		ĐYC		KHÔNG ĐẠT		Ghi chú
			SL	TL	SL	TL	SL	SL	
THCS ATĐ	6	207	207	100.00%	207	100.00%	0	0.00%	1
THCS BK	6	356	356	100.00%	356	100.00%	0	0.00%	1
THCS CT	6	191	191	100.00%	191	100.00%	0	0.00%	1
THCS DL	6	82	82	100.00%	82	100.00%	0	0.00%	1
THCS LH	6	162	162	100.00%	162	100.00%	0	0.00%	1
THCS LN	6	94	94	100.00%	94	100.00%	0	0.00%	1
THCS TTH	6	143	143	100.00%	143	100.00%	0	0.00%	1
THCS TA	6	65	65	100.00%	65	100.00%	0	0.00%	1
HUYỆN		1300	1300	100.00%	1300	100.00%	0	0.00%	
THCS ATĐ	7	192	192	100.00%	192	100.00%	0	0.00%	1
THCS BK	7	364	364	100.00%	364	100.00%	0	0.00%	1
THCS CT	7	191	191	100.00%	191	100.00%	0	0.00%	1
THCS DL	7	57	57	100.00%	57	100.00%	0	0.00%	1
THCS LH	7	155	155	100.00%	155	100.00%	0	0.00%	1
THCS LN	7	66	66	100.00%	66	100.00%	0	0.00%	1
THCS TTH	7	93	93	100.00%	93	100.00%	0	0.00%	1
THCS TA	7	38	38	100.00%	38	100.00%	0	0.00%	1
HUYỆN		1156	1156	100.00%	1156	100.00%	0	0.00%	
THCS ATĐ	8	172	171	99.42%	171	99.42%	1	0.58%	7
THCS BK	8	318	318	100.00%	318	100.00%	0	0.00%	1
THCS CT	8	195	195	100.00%	195	100.00%	0	0.00%	1
THCS DL	8	50	50	100.00%	50	100.00%	0	0.00%	1
THCS LH	8	160	160	100.00%	160	100.00%	0	0.00%	1
THCS LN	8	65	65	100.00%	65	100.00%	0	0.00%	1
THCS TTH	8	118	113	95.76%	113	95.76%	5	4.24%	8
THCS TA	8	57	57	100.00%	57	100.00%	0	0.00%	1
HUYỆN		1135	1129	99.47%	1129	99.47%	6	0.53%	
THCS ATĐ	9	191	191	100.00%	191	100.00%	0	0.00%	1
THCS BK	9	275	275	100.00%	275	100.00%	0	0.00%	1
THCS CT	9	184	184	100.00%	184	100.00%	0	0.00%	1
THCS DL	9	53	53	100.00%	53	100.00%	0	0.00%	1
THCS LH	9	143	143	100.00%	143	100.00%	0	0.00%	1
THCS LN	9	56	56	100.00%	56	100.00%	0	0.00%	1
THCS TTH	9	101	101	100.00%	101	100.00%	0	0.00%	1
THCS TA	9	30	30	100.00%	30	100.00%	0	0.00%	1
HUYỆN		1033	1033	100.00%	1033	100.00%	0	0.00%	
TBM TOÀN HUYỆN		4624	4618	0.00%	4618	99.87%	6	0.53%	

TRƯỜNG	SỐ HS	ĐẠT		ĐYC		CHƯA ĐẠT			Ghi chú
		SL	TL	SL	TL	SL	SL	TL	
THCS ATĐ	762	761	99.87%	761	99.87%	1		0.13%	7
THCS BK	1313	1313	100.00%	1313	100.00%	0		0.00%	1
THCS CT	761	761	100.00%	761	100.00%	0		0.00%	1
THCS DL	242	242	100.00%	242	100.00%	0		0.00%	1
THCS LH	620	620	100.00%	620	100.00%	0		0.00%	1
THCS LN	281	281	100.00%	281	100.00%	0		0.00%	1
THCS TTH	455	450	98.90%	450	98.90%	5		1.10%	8
THCS TA	190	190	100.00%	190	100.00%	0		0.00%	1
HUYỆN	4624	4618	99.87%	4618	99.87%	6		0.13%	



PHÒNG GD&ĐT CẦN GIỜ

THỐNG KÊ ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN TIN HỌC
HK I - Năm học 2020-2021

TRƯỜNG	KHỐI	SS	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		KÉM		Ghi chú
			8 →10		6.5 → 7.9		5 → 6.4		5 → 10		3.5 →4.9		0→3.4		
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	6	207	118	57.00%	49	23.67%	36	17.39%	203	98.07%	4	1.93%	0	0.00%	3
THCS BK	6	356	298	83.71%	52	14.61%	6	1.69%	356	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS CT	6	191	113	59.16%	54	28.27%	24	12.57%	191	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS DL	6	82	38	46.34%	24	29.27%	17	20.73%	79	96.34%	3	3.66%	0	0.00%	5
THCS LH	6	162	45	27.78%	40	24.69%	46	28.40%	131	80.86%	31	19.14%	0	0.00%	7
THCS LN	6	94	15	15.96%	42	44.68%	34	36.17%	91	96.81%	3	3.19%	0	0.00%	4
THCS TTH	6	143	28	19.58%	49	34.27%	57	39.86%	134	93.71%	9	6.29%	0	0.00%	6
THCS TA	6	65	27	41.54%	9	13.85%	11	16.92%	47	72.31%	14	21.54%	4	6.15%	8
HUYỆN		1300	682	52.46%	319	24.54%	231	17.77%	1232	94.77%	64	4.92%	4	0.31%	
THCS ATĐ	7	192	52	27.08%	85	44.27%	40	20.83%	177	92.19%	15	7.81%	0	0.00%	5
THCS BK	7	364	264	72.53%	73	20.05%	22	6.04%	359	98.63%	5	1.37%	0	0.00%	2
THCS CT	7	191	132	69.11%	45	23.56%	12	6.28%	189	98.95%	2	1.05%	0	0.00%	1
THCS DL	7	57	26	45.61%	24	42.11%	6	10.53%	56	98.25%	1	1.75%	0	0.00%	3
THCS LH	7	155	19	12.26%	61	39.35%	62	40.00%	142	91.61%	13	8.39%	0	0.00%	6
THCS LN	7	66	19	28.79%	23	34.85%	20	30.30%	62	93.94%	4	6.06%	0	0.00%	4
THCS TTH	7	93	19	20.43%	36	38.71%	28	30.11%	83	89.25%	9	9.68%	1	1.08%	7
THCS TA	7	38	14	36.84%	11	28.95%	6	15.79%	31	81.58%	6	15.79%	1	2.63%	8
HUYỆN		1156	545	47.15%	358	30.97%	196	16.96%	1099	95.07%	55	4.76%	2	0.17%	
THCS ATĐ	8	172	25	14.53%	46	26.74%	72	41.86%	143	83.14%	27	15.70%	2	1.16%	7
THCS BK	8	318	202	63.52%	88	27.67%	26	8.18%	316	99.37%	2	0.63%	0	0.00%	3
THCS CT	8	195	149	76.41%	42	21.54%	3	1.54%	194	99.49%	1	0.51%	0	0.00%	2
THCS DL	8	50	39	78.00%	10	20.00%	1	2.00%	50	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LH	8	160	40	25.00%	65	40.63%	46	28.75%	151	94.38%	8	5.00%	1	0.63%	5
THCS LN	8	65	1	1.54%	17	26.15%	32	49.23%	50	76.92%	14	21.54%	1	1.54%	8
THCS TTH	8	118	62	52.54%	36	30.51%	18	15.25%	116	98.31%	1	0.85%	1	0.85%	4
THCS TA	8	57	9	15.79%	12	21.05%	27	47.37%	48	84.21%	9	15.79%	0	0.00%	6
HUYỆN		1135	527	46.43%	316	27.84%	225	19.82%	1068	94.10%	62	5.46%	5	0.44%	
THCS ATĐ	9	191	112	58.64%	68	35.60%	11	5.76%	191	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS BK	9	275	236	85.82%	35	12.73%	4	1.45%	275	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS CT	9	184	116	63.04%	60	32.61%	8	4.35%	184	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS DL	9	53	50	94.34%	3	5.66%	0	0.00%	53	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS LH	9	143	100	69.93%	32	22.38%	9	6.29%	141	98.60%	2	1.40%	0	0.00%	8
THCS LN	9	56	21	37.50%	27	48.21%	8	14.29%	56	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
THCS TTH	9	101	56	55.45%	36	35.64%	8	7.92%	100	99.01%	0	0.00%	1	0.99%	7
THCS TA	9	30	14	46.67%	15	50.00%	1	3.33%	30	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	1
HUYỆN		1033	705	68.25%	276	26.72%	49	4.74%	1030	99.71%	2	0.19%	1	0.10%	
TBM TOÀN HUYỆN		4624	2459	53.18%	1269	27.44%	701	15.16%	4429	95.78%	183	3.96%	12	0.26%	

TRƯỜNG	SỐ HS	GIỎI		KHÁ		T BÌNH		ĐYC		YẾU		KÉM		Ghi chú
		8 -->10		6,5 --> 7,9		5 --> 6,4		5 --> 10		3,5 -->4,9		0-->3,4		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
THCS ATĐ	762	307	40.29%	248	32.55%	159	20.87%	714	93.70%	46	6.04%	2	0.26%	5
THCS BK	1313	1000	76.16%	248	18.89%	58	4.42%	1306	99.47%	7	0.53%	0	0.00%	2
THCS CT	761	510	67.02%	201	26.41%	47	6.18%	758	99.61%	3	0.39%	0	0.00%	1
THCS DL	242	153	63.22%	61	25.21%	24	9.92%	238	98.35%	4	1.65%	0	0.00%	3
THCS LH	620	204	32.90%	198	31.94%	163	26.29%	565	91.13%	54	8.71%	1	0.16%	7
THCS LN	281	56	19.93%	109	38.79%	94	33.45%	259	92.17%	21	7.47%	1	0.36%	6
THCS TTH	455	165	36.26%	157	34.51%	111	24.40%	433	95.16%	19	4.18%	3	0.66%	4
THCS TA	190	64	33.68%	47	24.74%	45	23.68%	156	82.11%	29	15.26%	5	2.63%	8
HUYỆN	4624	2459	53.18%	1269	27.44%	701	15.16%	4429	95.78%	183	3.96%	12	0.26%	